

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHOẺ



Học sinh trường Tiểu học Thanh Sơn tỉnh Nghệ An thực hành rửa tay.

BÁO CÁO KẾT QUẢ

**ĐÁNH GIÁ CÓ SỰ THAM GIA DỰ ÁN THÍ ĐIỂM TẠI
VIỆT NAM VỀ GIÁO DỤC VỆ SINH CÁ NHÂN VÀ VỆ
SINH TRƯỜNG HỌC DO CHÍNH PHỦ HÀ LAN TÀI
TRỢ NĂM 2000-2001**

Hà nội, tháng 1- 2006

LỜI CẢM ƠN

Cuộc nghiên cứu "Đánh giá có sự tham gia dự án thí điểm tại Việt Nam về giáo dục vệ sinh cá nhân và vệ sinh trường học do chính phủ Hà Lan tài trợ năm 2000-2001" đã được thực hiện thành công. Trước hết, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ có hiệu quả cao về tài chính và kỹ thuật của UNICEF cho cuộc đánh giá này.

Chúng tôi xin bày tỏ sự biết ơn sâu sắc tới các cán bộ của Phòng Nước và Vệ sinh môi trường, Phòng Giáo dục - UNICEF, Vụ Công tác Học sinh sinh viên - Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cục Y tế Dự phòng Việt Nam - Bộ Y tế, Trung tâm và Vệ sinh môi trường nông thôn - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã tích cực ủng hộ và phối hợp với chúng tôi trong việc xây dựng phương pháp và bộ công cụ điều tra, đánh giá.

Chúng tôi xin cảm ơn các cán bộ ngành giáo dục ở các tỉnh, huyện trong địa bàn điều tra cũng như lãnh đạo các trường học, những thầy cô giáo và học sinh đã tích cực ủng hộ và hợp tác với các cán bộ điều tra trong quá trình thu thập số liệu tại thực địa.

Cuối cùng, chúng tôi xin cảm ơn tất cả các đồng nghiệp từ các cơ quan quản lý, các cơ quan nghiên cứu đã hợp tác cùng chúng tôi trong suốt quá trình thực hiện cuộc đánh giá.

Hà Nội -2/2006

PGS.TS. Nguyễn Võ Kỳ Anh

**Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu
Môi trường và Sức khỏe**

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CTVS	Công trình vệ sinh
GD-ĐT	Giáo dục-đào tạo
HĐND	Hội đồng nhân dân
HVS	Hợp vệ sinh
NS	Nước sạch
PTCS	Phổ thông cơ sở
SSHE	Giáo dục Vệ sinh cá nhân và Vệ sinh trường học
UBND	Ủy ban nhân dân
UNICEF	Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp quốc
VSMT	Vệ sinh môi trường
TH	Tiểu học
TNTP	Đội Thiếu niên tiền phong

MỤC LỤC

TÓM TẮT.....	5
1. ĐẶT VẤN ĐỀ	7
1.1. SƠ LƯỢC VỀ CÁC DỰ ÁN GIÁO DỤC VỆ SINH TRONG TRƯỜNG HỌC	7
1.2. LÝ DO TIẾN HÀNH CUỘC ĐÁNH GIÁ	8
1.3. MỤC TIÊU CỦA CUỘC ĐÁNH GIÁ	9
2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	9
2.1. PHƯƠNG PHÁP.....	9
2.2. ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU.....	10
2.3. TẬP HUẤN ĐIỀU TRA VIÊN.....	11
2.4. TỔ CHỨC ĐIỀU TRA THU THẬP SỐ LIỆU TẠI THỰC ĐỊA.....	11
2.5. XỬ LÝ, PHÂN TÍCH SỐ LIỆU VÀ VIẾT BÁO CÁO.....	12
2.6. KHUNG THỜI GIAN VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN	13
2.7. THÀNH VIÊN THAM GIA CUỘC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ	13
2.8. CÁC TRỞ NGẠI ĐỐI VỚI CUỘC ĐÁNH GIÁ.....	13
3. NHỮNG PHÁT HIỆN CHÍNH.....	14
3.1. CÔNG TÁC GIÁO DỤC TRUYỀN THÔNG VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VỆ SINH TRONG TRƯỜNG HỌC.....	14
3.2. TÌNH TRẠNG CÔNG TRÌNH NƯỚC TẠI CÁC TRƯỜNG HỌC ĐƯỢC ĐIỀU TRA.....	15
3.3. TÌNH TRẠNG CÔNG TRÌNH VỆ SINH TẠI CÁC TRƯỜNG HỌC ĐƯỢC ĐIỀU TRA.....	20
3.4. HÀNH VI VỆ SINH CỦA HỌC SINH SAU ĐẠI TIỂU TIỆN VÀ VỆ SINH TRƯỜNG LỚP	26
3.5. TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH VỆ SINH VÀ GIÁO DỤC VỆ SINH TRONG NHÀ TRƯỜNG ĐỐI VỚI GIA ĐÌNH HỌC SINH VÀ CỘNG ĐỒNG	29
4. KẾT LUẬN.....	33
4.1. NHỮNG ĐIỂM THÀNH CÔNG	33
4.1.1. Giáo dục vệ sinh trong trường tiểu học qua tiếp cận phương pháp giáo dục kỹ năng sống đã được phát triển	33
4.1.2. Với số kinh phí hỗ trợ của dự án hạn hẹp (bình quân mỗi trường được hỗ trợ khoảng 10 triệu đồng) nhưng phần lớn các trường tham gia dự án đã xây dựng được công trình vệ sinh và hiện vẫn còn sử dụng tốt	33
4.1.3. Giáo dục vệ sinh và xây dựng CTVS tại trường học đã có tác động tích cực đối với học sinh, gia đình học sinh và cộng đồng	34
4.2. NHỮNG ĐIỂM CÒN HẠN CHẾ	34
4.3. NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ THÁCH THỨC.....	35
5. KHUYẾN NGHỊ.....	35
5.1. ĐỐI VỚI UNICEF VÀ CÁC NHÀ TÀI TRỢ.....	35
5.2. ĐỐI VỚI BỘ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ CƠ QUAN QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG	35

5.3. ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỌC.....	36
PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG CAN THIỆP VÀ TRƯỜNG CHỨNG.....	37
PHỤ LỤC 2: NHỮNG THÀNH VIÊN CHÍNH THAM GIA THỰC HIỆN CUỘC ĐÁNH GIÁ	39
PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA	40

TÓM TẮT

Dự án Giáo dục Vệ sinh cá nhân và Vệ sinh trường học (SSHE) với sự tài trợ của Chính phủ Hà Lan đã được thực hiện tại 20 trường học ở tỉnh Hà Nam và Nam Định vào năm 2000 (thông qua phòng Nước và Vệ sinh môi trường của UNICEF) và 30 trường vào năm 2001 (thông qua phòng Giáo dục của UNICEF). Các hoạt động của dự án bao gồm tổ chức hội thảo Quốc gia về Giáo dục vệ sinh cá nhân và vệ sinh trường học, tiến hành điều tra thu thập số liệu về chương trình Giáo dục về sinh cá nhân và vệ sinh trường học, phát triển và bổ xung những tài liệu về Giáo dục vệ sinh cá nhân và vệ sinh trường học, đào tạo giáo viên kỹ năng giảng dạy Vệ sinh cá nhân và vệ sinh trường học, dịch và xuất bản các bản hướng dẫn về Vệ sinh cá nhân và vệ sinh trường học, xây dựng các công trình nước sạch và vệ sinh tại 50 trường.

Cuộc nghiên cứu “Đánh giá có sự tham gia Dự án thí điểm ở Việt Nam về Giáo dục Vệ sinh cá nhân và Vệ sinh trường học do Chính phủ Hà Lan tài trợ năm 2000-2001” được tiến hành tại 54 trường học thuộc 13 tỉnh ở Việt Nam. Trong số 54 trường học được điều tra, 40 trường đã tham gia dự án SSHE và 14 trường không tham gia dự án (mỗi huyện chọn ngẫu nhiên một trường có điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội tương tự như các trường có hỗ trợ của Hà Lan, nhưng chưa có hỗ trợ của UNICEF).

Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp đánh giá với sự tham gia của các nhóm học sinh, ban giám hiệu, giáo viên, cán bộ tỉnh/huyện/xã, và cán bộ ngành giáo dục cấp trung ương. Sử dụng 4 kỹ thuật thu thập số liệu là quan sát, phỏng vấn sâu, phỏng vấn theo bảng câu hỏi và thảo luận nhóm. Đối với học sinh sử dụng phương pháp cùng quan sát, thảo luận nhóm và thực hành, phân tích và khuyến khích áp dụng một số hành vi vệ sinh tại các công trình vệ sinh ở trường. Đối với ban giám hiệu sử dụng phương pháp cùng quan sát, phỏng vấn theo bảng hỏi đã chuẩn bị sẵn và phỏng vấn sâu. Đối với giáo viên, sử dụng phương pháp thảo luận nhóm. Phỏng vấn sâu sẽ được áp dụng cho cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Tại mỗi trường, sau khi kết thúc các nội dung khảo sát, đoàn điều tra đều tiến hành một cuộc họp chung giữa đoàn với Ban giám hiệu nhà trường, Tổng phụ trách đoàn đội, đại diện lãnh đạo UBND xã, cán bộ Phòng Giáo dục và Sở Giáo dục - Đào tạo đi cùng đoàn. Trong cuộc họp, đoàn điều tra thông báo sơ bộ kết quả điều tra, đặc biệt chỉ rõ các điểm còn tồn tại, đề xuất biện pháp khắc phục và đề nghị chính quyền địa phương hỗ trợ nhà trường thực hiện.

Toàn bộ cuộc đánh giá được thực hiện trong 3 tháng, từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2005. Sau đây là tóm tắt các nội dung chính của cuộc đánh giá:

- Dự án SSHE đã đưa “Tiếp cận phương pháp giáo dục Kỹ năng sống trong giảng dạy vệ sinh ở trường tiểu học”. Việc vận dụng phương pháp giáo dục Kỹ năng sống vào giáo dục vệ sinh trong nhà trường vừa gây được hứng thú cho học sinh trong các giờ học và học tích cực, chủ động, vừa giúp cho học sinh có được những kỹ năng cơ bản, cần

thiết để tự mình biết ra những quyết định đúng, xoá bỏ những thói quen, tập tục, tập quán lạc hậu, có hại và hình thành được những hành vi sức khoẻ lành mạnh. CTVS, công trình cấp nước ở trường học được sử dụng như một “giáo cụ trực quan” trong giáo dục vệ sinh cho học sinh.

- *Về công trình cấp nước:* Hầu hết các trường được điều tra đều có nguồn nước tại trường cho học sinh sử dụng. Gần một nửa số trường can thiệp có công trình cấp nước được xây dựng từ kinh phí hỗ trợ của Hà Lan vào năm 2000-2001. 92,5% số trường can thiệp có công trình cấp nước hiện đang sử dụng tốt và đều đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn và thân thiện cho trẻ em (không có rêu trơn, giếng có nắp đậy an toàn, dụng cụ lấy nước tiện lợi...). 62,5% số trường can thiệp có khu vực rửa tay cho học sinh, cao hơn ở các trường đối chứng (28,6%). Phần lớn khu vực rửa tay đều tương đối gần nhà tiêu và chỗ tiểu, thuận tiện cho học sinh. Tất cả các trường có khu vực rửa tay đều có nước ở khu vực rửa tay. Hầu hết dụng cụ lấy nước rửa tay ở các trường đều là vòi, thuận tiện cho học sinh sử dụng. Chiều cao của các máng chứa nước rửa tay phù hợp với tầm vóc của học sinh.

- *Về công trình vệ sinh:* Các trường học được điều tra đều có nhà tiêu, chỉ có 1/40 trường can thiệp và 1/14 trường đối chứng không có nhà tiêu. Tất cả những nhà tiêu hiện có tại các trường can thiệp đều được tài trợ bởi Hà Lan thông qua UNCEF Hà Nội và hầu hết đều được xây dựng trong năm 2000 hoặc 2001, 2002. Tất cả nhà tiêu hiện có ở các trường can thiệp đều đang được sử dụng. Phần lớn số trường can thiệp có đường đi đến nhà tiêu an toàn, thuận tiện cho học sinh. Rất ít trường học có bảng nội qui sử dụng nhà tiêu tại khu vệ sinh của trường. Hầu hết nhà tiêu hiện có ở các trường can thiệp đều thuộc loại nhà tiêu hợp vệ sinh và hiện vẫn đang được sử dụng và bảo quản tốt.

- *Về hành vi vệ sinh của học sinh:* Không phải tất cả học sinh quan sát được đều đã thực hiện đầy đủ các hành vi dội nước và rửa tay sau đại, tiểu tiện. Chỉ duy nhất có một trường có xà phòng cho học sinh rửa tay, đó là trường tiểu học Phú Diễn 2 (Phú Vang, Thừa Thiên Huế). Đa số sân trường và lớp học của các trường được điều tra đều sạch sẽ.

- *Về tác động của giáo dục vệ sinh trong trường học:* Tác động tích cực của dự án giáo dục vệ sinh và công trình vệ sinh, nước sạch đối với gia đình học sinh và cộng đồng ở vùng đồng bằng tương đối rõ. Nhưng đối với vùng núi, đa số học sinh là người dân tộc thiểu số, tác động của giáo dục vệ sinh trong nhà trường tới cộng đồng còn hạn chế.

Dự án thí điểm giáo dục vệ sinh do Hà Lan tài trợ đã được thực hiện tốt, có hiệu quả. Dự án là bước khởi đầu cho việc vận dụng phương pháp giáo dục kỹ năng sống trong giảng dạy vệ sinh ở trường tiểu học. Áp dụng phương pháp giáo dục Kỹ năng sống vào giáo dục vệ sinh trong nhà trường không chỉ bó hẹp trong 20 trường tiểu học tham gia dự án do Hà Lan tài trợ năm 2000-2002, mà ngày nay đã được áp dụng rộng rãi ở cấp tiểu học trong cả nước.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. SƠ LƯỢC VỀ CÁC DỰ ÁN GIÁO DỤC VỆ SINH TRONG TRƯỜNG HỌC

Ở Việt Nam, giáo dục môi trường và sức khoẻ đã và đang nhận được sự quan tâm đặc biệt của Chính phủ và mọi tầng lớp nhân dân. Hàng nghìn trường học đã được cung cấp nước sạch, công trình vệ sinh. Các chương trình về giáo dục sức khoẻ và vệ sinh môi trường đã được đưa vào giảng dạy tại các trường phổ thông cơ sở như những môn học chính khoá.

Từ năm 2000-2001, thông qua UNICEF, Việt Nam và năm quốc gia khác trên thế giới là Nepal, Zambia, Nicaragua, Colombia and Burkina Faso đã thực thi dự án Giáo dục Vệ sinh cá nhân và Vệ sinh trường học (SSHE) với sự tài trợ của Chính phủ Hà Lan.

Mục tiêu của dự án là:

1. Xây dựng và cải thiện chương trình giảng dạy lấy học sinh làm trung tâm áp dụng giáo dục kỹ năng sống.
2. Nâng cao năng lực sử dụng các hỗ trợ kỹ thuật của dự án (Chương trình đào tạo, hướng dẫn sử dụng và bảo dưỡng đối với các công trình tại trường học).
3. Các sáng kiến can thiệp của dự án được cộng đồng ủng hộ và duy trì.

Dự án này được thực hiện tại 20 trường học ở Hà Nam và Nam Định vào năm 2000 (thông qua phòng Nước và Vệ sinh môi trường của UNICEF) và 30 trường vào năm 2001 (thông qua phòng Giáo dục của UNICEF). Các hoạt động chính của dự án bao gồm:

- Tổ chức hội thảo Quốc gia về Giáo dục vệ sinh cá nhân và vệ sinh trường học trong thời gian 5 ngày tại Hà Nội.

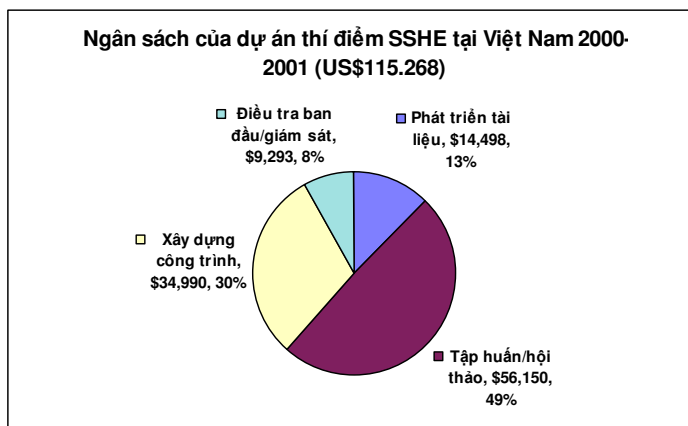
- Tiến hành điều tra thu thập số liệu về Giáo dục vệ sinh cá nhân và vệ sinh trường học cũng như tình trạng công trình nước và vệ sinh trong các trường học ở huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nam và Mỹ Lộc tỉnh Nam Định.

- Hỗ trợ một phần kinh phí cho các trường tham gia dự án xây dựng công trình nước và công trình vệ sinh.

- Phát triển tài liệu về Giáo dục vệ sinh cá nhân và vệ sinh trường học theo phương pháp tiếp cận giáo dục kỹ năng sống.

- Tập huấn, đào tạo cho giáo viên kỹ năng giảng dạy Vệ sinh cá nhân và vệ sinh trường học.

- Tổ chức giảng dạy giáo dục vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi



trường cho học sinh theo phương pháp tiếp cận giáo dục kỹ năng sống.

- Theo dõi và giám sát cấp trung ương.

Tổng số kinh phí của dự án là 114.931 USD phân bổ cho các nhóm hoạt động chính như sau: 13% dành cho phát triển tài liệu; 49% dành cho hội thảo, hội nghị, tập huấn và triển khai việc giảng dạy ở các trường; 30% cấp cho các trường xây dựng công trình nước và CTVS (bình quân mỗi trường được hỗ trợ khoảng 10 triệu đồng) và 8% dành cho các hoạt động kiểm tra, giám sát.

Dự án giáo dục vệ sinh cá nhân và vệ sinh trường học do chính phủ Hà Lan tài trợ đã kết thúc vào cuối năm 2001. Nhưng kể từ đó chương trình Giáo dục vệ sinh cá nhân và vệ sinh trường học đã được triển khai mạnh mẽ ở Việt Nam. Từ năm 2002, cùng với sự hỗ trợ của UNICEF, dự án Giáo dục tiểu học về sự thân thiện của trẻ được triển khai ở 200 trường học trong 15 tỉnh mỗi năm. Chương trình Nước sạch và Vệ sinh môi trường (WES) của UNICEF tiếp tục hỗ trợ xây dựng các công trình Nước và Vệ sinh môi trường ở 70 trường học mỗi năm. Bên cạnh đó, từ năm 2003, hàng năm Chương trình UNICEF WES còn hỗ trợ tổ chức các hoạt động ngoại khoá (thi hiểu biết, thi vẽ về chủ đề Nước và Vệ sinh môi trường) ở 70 trường học. Năm 2004 và 2005, Chương trình UNICEF WES đã hỗ trợ gói các hoạt động cung cấp nước và vệ sinh và giáo dục vệ sinh trong 72 trường học ở sáu tỉnh. Chương trình Mục tiêu Quốc gia về nước sạch và VSMT nông thôn giai đoạn 2001-2005 cũng ưu tiên xây dựng các công trình Nước sạch và Vệ sinh môi trường cho các trường học, trong đó có ngân sách cho Dự án Giáo dục vệ sinh cá nhân và vệ sinh trường học (7-9 tỉnh mỗi năm).

Các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục vệ sinh cá nhân và vệ sinh trường học được tiến hành trong thời gian qua bao gồm tổ chức hội thảo quốc gia về giáo dục vệ sinh cá nhân và vệ sinh trường học lần thứ 2 trong năm 2002, tiến hành đánh giá và khảo sát quốc gia về nước và vệ sinh trong trường học, tiêu chuẩn hóa thiết kế công trình vệ sinh thân thiện với trẻ em, xây dựng tài liệu hướng dẫn vận hành bảo dưỡng các công trình vệ sinh trong trường học, quảng bá cách tiếp cận thân thiện và an toàn đối với trẻ em thông qua xuất bản tài liệu tuyên truyền và tổ chức các sự kiện, khuyến khích sự phối kết hợp chặt chẽ hơn giữa các ban ngành và với các tổ chức phi chính phủ liên quan đến giáo dục vệ sinh cá nhân và vệ sinh trường học.

Sau giai đoạn thí điểm tại sáu quốc gia, UNICEF và Trung tâm Quốc tế về Tài nguyên nước và vệ sinh môi trường của Chính phủ Hà Lan tiến hành đánh giá kết quả toàn diện của chương trình và những bài học rút ra từ kinh nghiệm thực tế để từ đó có kiến nghị cho các chương trình Giáo dục/Cung cấp Nước sạch và Vệ sinh môi trường, Giáo dục Vệ sinh cá nhân và vệ sinh trường học.

1.2. LÝ DO TIẾN HÀNH CUỘC ĐÁNH GIÁ

Khoảng một phần hai các trường tiểu học ở Việt Nam thiếu các công trình Nước sạch và Vệ sinh thiết yếu. Chất lượng của các công trình Nước và Vệ sinh như mức độ thân thiện với trẻ, việc sử dụng và bảo quản các công trình cũng đang được quan tâm đặc

biệt. Cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường ở các trường học vẫn là một trong những vấn đề then chốt trong chương trình hợp tác giữa UNICEF và Chính phủ Việt Nam (Bộ Giáo dục và Đào tạo). Cùng với đó là sự quan tâm ngày càng gia tăng của các tổ chức quốc tế khác. Dự án Đánh giá Chương trình Giáo dục về Vệ sinh cá nhân và vệ sinh trường học này sẽ cung cấp những bài học có giá trị nhằm tìm ra những yếu tố dẫn đến sự thành công của dự án thí điểm vừa qua, trên cơ sở đó triển khai dự án mới trên toàn quốc. Việc đánh giá Dự án Thí điểm về Giáo dục Vệ sinh Cá nhân và Vệ sinh Môi trường ở Việt Nam cũng sẽ đóng góp những bài học kinh nghiệm nhằm cung cấp những hỗ trợ có hiệu quả hơn cho trường học trên toàn thế giới.

1.3. MỤC TIÊU CỦA CUỘC ĐÁNH GIÁ

Cuộc nghiên cứu “Đánh giá có sự tham gia Dự án thí điểm ở Việt Nam về Giáo dục Vệ sinh cá nhân và Vệ sinh trường học do Chính phủ Hà Lan tài trợ năm 2000-2001” này nhằm mục đích:

- Xác định liệu các công trình Nước và Vệ sinh đã được xây dựng có đang được sử dụng và sử dụng tốt không.
- Xác định liệu các hệ thống CTVS và giáo dục kỹ năng sống có hỗ trợ nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi vệ sinh của học sinh và cộng đồng không.
- Xác định thể mạnh và những thách thức của dự án Giáo dục Vệ sinh trường học và phát triển bộ công cụ quản lý phù hợp.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. PHƯƠNG PHÁP

Phương pháp đánh giá Dự án Thí điểm Giáo dục Vệ sinh cá nhân và Vệ sinh Môi trường trong trường học ở Việt Nam được thực hiện theo phương pháp đã được thống nhất tại hội thảo quốc tế về phương pháp nghiên cứu để đánh giá Dự án Thí điểm Giáo dục Vệ sinh Cá nhân và Vệ sinh Môi trường trong trường học cho sáu nước tham gia dự án được tổ chức tại Delft, Hà Lan vào tháng 6 năm 2005. Dự án đánh giá tại Việt Nam được thực hiện bằng phương pháp đánh giá với sự tham gia của các nhóm học sinh, giáo viên, lãnh đạo trường học, cán bộ xã, và cán bộ ngành giáo dục cấp huyện, tỉnh và trung ương. Bốn kỹ thuật thu thập số liệu đã được sử dụng, đó là quan sát, phỏng vấn sâu, phỏng vấn theo bảng câu hỏi và thảo luận nhóm. Đối với học sinh sử dụng phương pháp cùng quan sát, thảo luận nhóm và thực hành, phân tích và khuyến khích áp dụng một số hành vi vệ sinh tại các công trình vệ sinh ở trường. Đối với giáo viên, sử dụng phương pháp thảo luận nhóm. Đối với ban giám hiệu sử dụng phương pháp cùng quan sát, phỏng vấn theo bảng hỏi đã chuẩn bị sẵn và phỏng vấn sâu. Phỏng vấn sâu cũng được áp dụng cho cán bộ quản lý giáo dục các cấp.

Cuộc đánh giá đã tiến hành theo trình tự từng bước một, bao gồm lựa chọn địa bàn điều tra (tỉnh, huyện, trường), xây dựng bộ công cụ đánh giá, điều tra thử, hoàn thiện bộ

cộng cụ và kỹ thuật đánh giá, tập huấn điều tra viên, điều tra tại thực địa, phân tích xử lý số liệu, viết báo cáo, hội thảo góp ý cho báo cáo và sửa chữa hoàn chỉnh báo cáo.

Sau khi nhóm nghiên cứu đã soạn thảo bộ công cụ điều tra, một cuộc họp đã được tổ chức tại trụ sở UNICEF để xem xét góp ý cho bộ công cụ điều tra đã được thiết kế. Tham dự cuộc họp bao gồm các chuyên viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo (những người đã chỉ đạo thực hiện dự án năm 2000-2001), các chuyên gia giàu kinh nghiệm của Trung tâm Nước Sạch và Vệ sinh Môi trường Nông thôn-Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, các chuyên viên thuộc phòng Giáo dục và Phòng Nước-VSMT của UNICEF. Sau đó bộ công cụ cũng đã được các chuyên gia của Trung tâm Quốc tế về Tài nguyên Nước và Môi trường của Hà Lan góp ý kiến. Bộ công cụ điều tra và kỹ thuật điều tra đã được thống nhất, bao gồm:

- Kiểm tình trạng vệ sinh tại trường học bằng “Phiếu thu thập thông tin và kiểm vệ sinh tại trường học” (Q1)

- Phỏng vấn sâu lãnh đạo nhà trường theo “Khung phỏng vấn sâu lãnh đạo trường học” (Q2).

- Thảo luận nhóm với giáo viên theo “Khung hướng dẫn thảo luận nhóm với giáo viên” (Q6).

- Thảo luận nhóm với học sinh theo “Khung thảo luận nhóm với học sinh” (Q7).

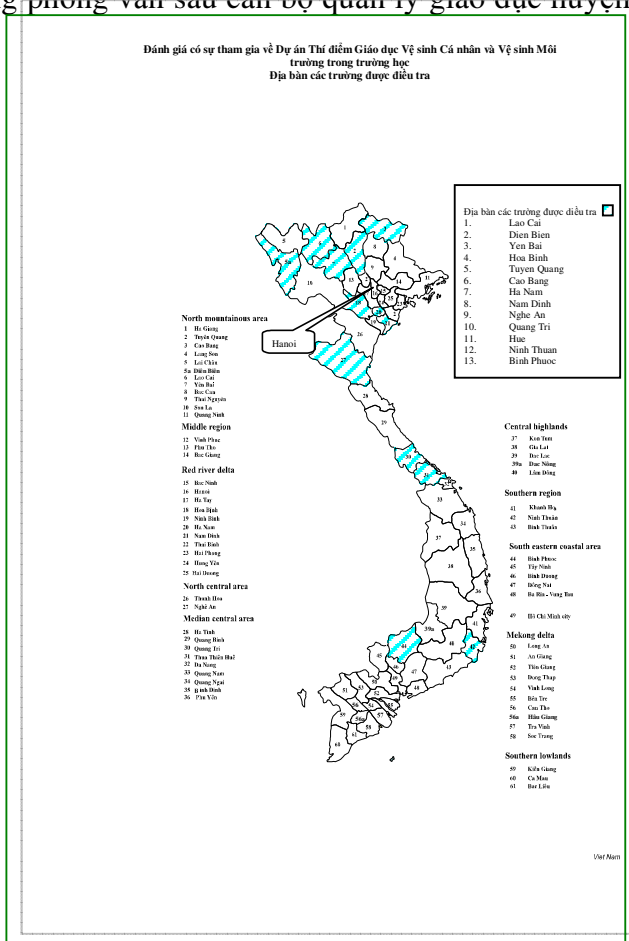
- Phỏng vấn sâu chuyên viên phụ trách công tác VSTH thuộc Phòng giáo dục huyện/Sở Giáo dục-Đào tạo bằng “Khung phỏng vấn sâu cán bộ quản lý giáo dục huyện, tỉnh” (Q3).

- Phỏng vấn sâu cán bộ lãnh đạo Phòng giáo dục huyện/Sở Giáo dục-Đào tạo bằng “Khung phỏng vấn sâu cán bộ lãnh đạo Phòng/Sở Giáo dục huyện, tỉnh” (Q4).

- Phỏng vấn sâu cán bộ Vụ Công tác học sinh sinh viên và Vụ Tiểu học bằng “Khung phỏng vấn sâu cán bộ giáo dục cấp trung ương” (Q5).

2.2. ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

Trong số 50 trường học đã được Chính phủ Hà Lan tài trợ để thực hiện dự giáo dục vệ sinh cá nhân và vệ sinh trường học năm 2000-2001, 40 trường thuộc 14 huyện, 13 tỉnh đại diện cho khu vực miền núi phía Bắc, đồng bằng châu thổ sông Hồng, bắc và nam Trung bộ, vùng Đông Nam bộ. Tại mỗi huyện chọn ngẫu nhiên thêm một



trường có điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội tương tự như các trường có hỗ trợ của Hà Lan, nhưng chưa có hỗ trợ của UNICEF gần với trường có hỗ trợ để điều tra làm đối chứng. Tổng số có 14 trường đối chứng được chọn điều tra. (Phụ lục 1)

2.3. TẬP HUẤN ĐIỀU TRA VIÊN

Một khóa tập huấn đào tạo các điều tra viên đã được tổ chức trong thời gian 3 ngày:

- Ngày thứ nhất: Truyền đạt mục đích của cuộc đánh giá, phương pháp tiến hành. Thảo luận toàn bộ nội dung và kỹ thuật sử dụng bộ công cụ điều tra.
- Ngày thứ 2: Chia nhóm công tác, phân công nhiệm vụ cho từng nhóm và các nhóm thực hành kỹ thuật điều tra theo bộ công cụ đã có trong nhóm
- Ngày thứ 3: Tiến hành điều tra thử tại một trường tiểu học ở Huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Cuộc điều tra thử có sự tham gia của cán bộ Phòng Nước và VSMT của UNICEF, chuyên viên của Bộ Giáo dục và đào tạo. Một cuộc họp rút kinh nghiệm đã được tổ chức ngay sau cuộc điều tra thử cả về nội dung bộ công cụ cũng như kỹ năng thực hiện của điều tra viên. Bộ công cụ điều tra đã được chỉnh sửa và hoàn chỉnh lại sau cuộc điều tra thử.

2.4. TỔ CHỨC ĐIỀU TRA THU THẬP SỐ LIỆU TẠI THỰC ĐỊA

Đội nghiên cứu được chia làm 3 nhóm: Một nhóm tiến hành điều tra đánh giá các trường thuộc khu vực miền núi phía Bắc, nhóm thứ hai đánh giá các trường thuộc khu vực đồng bằng châu thổ Sông Hồng và nhóm thứ 3 tiến hành đi đánh giá tại các trường ở miền Trung và Đông Nam bộ. Mỗi nhóm gồm 4 cán bộ: Một trưởng nhóm, một chuyên gia về vệ sinh môi trường và 2 chuyên gia xã hội học. Tham gia đoàn đánh giá còn có cán bộ Sở, Phòng Giáo dục-Đào tạo của địa phương khi đi xuống các trường học. Tại trường học, các hoạt động sau đây đã được thực hiện:

Lãnh đạo nhà trường, một số giáo viên và học sinh cùng với cán bộ đoàn đánh giá đi quanh trường, cùng quan sát đưa ra nhận xét, đánh giá về tình trạng vệ sinh sân trường, lớp học, công trình cấp nước và công trình vệ sinh. Những điểm tốt và những điểm còn tồn tại đều được đưa ra trao đổi tại chỗ rồi cùng đưa ra giải pháp khắc phục.

Dưới sự điều hành của hai cán bộ đoàn nghiên cứu, một nhóm gồm 10 – 12 học sinh đại diện cho các khối từ lớp 1 đến lớp 5 tham gia thảo luận đưa các ý kiến về cách giảng dạy môn vệ sinh của thầy cô giáo, việc thực hành vệ sinh tại trường và ở nhà. Các em đưa ra các nhận xét về hiện trạng sử dụng, bảo quản công trình nước và vệ sinh ở trường cũng như mong muốn của các em bằng cách viết lên các tờ giấy mẫu được phát. Cuối cùng cả nhóm cùng ra thăm công trình nước và công trình vệ sinh của trường. Một

số học sinh được chỉ định đóng vai thực hiện các hành vi vệ sinh khi đi tiểu tiện, đại tiện và rửa tay, cả nhóm cùng quan sát đưa ra các nhận xét.

Một nhóm gồm 4-5 giáo viên, trong đó ưu tiên lựa chọn những giáo viên đã được tham dự các lớp tập huấn do Dự án SHHE tổ chức năm 2000, họp cùng với chúng tôi để trao đổi về phương pháp giảng dạy đã và đang áp dụng trong giáo dục vệ sinh; về ý nghĩa của công trình nước sạch – vệ sinh đối với giáo dục vệ sinh cho học sinh; về thực trạng sử dụng, bảo quản công trình nước-vệ sinh trường học; về tác động của giáo dục vệ sinh, công trình nước-vệ sinh đối với cộng đồng; và những kiến nghị của họ để nâng cao hiệu quả của giáo dục vệ sinh trong nhà trường.

Đồng thời với các cuộc làm việc nhóm, đoàn đánh giá còn cử một điều tra viên bí mật quan sát theo dõi việc sử dụng nước, công trình vệ sinh và các hành vi vệ sinh của học sinh khi tiểu tiện, đại tiện và rửa tay, nhất là trong giờ ra chơi giữa buổi học.

Các cuộc trao đổi với lãnh đạo nhà trường cũng đã được thực hiện để thu thập thêm thông tin về việc triển khai giáo dục vệ sinh của trường; tình trạng sử dụng, bảo quản công trình nước-vệ sinh của trường; việc phối kết hợp với chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở địa phương...

Sau khi kết thúc các nội dung khảo sát, đoàn điều tra đã tiến hành một cuộc họp chung giữa đoàn với Ban giám hiệu nhà trường, Tổng phụ trách đoàn đội, đại diện một số giáo viên, đại diện lãnh đạo UBND xã, cán bộ Phòng Giáo dục và Sở Giáo dục - Đào tạo đi cùng đoàn. Trong cuộc họp, đoàn điều tra nhắc lại các điểm mạnh, những điểm yếu đã được thống nhất trong quá trình cùng phối hợp đánh giá, đặc biệt nhấn mạnh các điểm còn tồn tại, các biện pháp khắc phục và đề nghị chính quyền địa phương hỗ trợ nhà trường thực hiện.

Bên cạnh các cuộc phỏng vấn lãnh đạo và chuyên viên Phòng, Sở Giáo dục – Đào tạo để thu thập thêm thông tin về việc triển khai giáo dục vệ sinh trong các trường học ở địa phương; tình trạng sử dụng, bảo quản công trình nước-vệ sinh ở các trường học; những bài học kinh nghiệm rút ra qua thực hiện dự án giáo dục vệ sinh trong nhà trường; chủ trương chính sách triển khai công tác giáo dục sức khỏe trong nhà trường của địa phương trong thời gian tới; chiến lược giáo dục và đầu tư xây dựng các công trình vệ sinh tại các trường tiểu học của địa phương. Sau khi điều tra xong ở các trường, đoàn điều tra còn tiến hành họp với lãnh đạo Phòng Giáo dục và những cán bộ có liên quan nhằm thông báo sơ bộ kết quả điều tra và đưa ra các khuyến nghị cần thiết. Một cuộc họp khác tương tự với lãnh đạo và các cán bộ có liên quan của Sở Giáo dục-Đào tạo cũng được tiến hành.

2.5. XỬ LÝ, PHÂN TÍCH SỐ LIỆU VÀ VIẾT BÁO CÁO

Số liệu trong các phiếu thu thập thông tin và kiểm vệ sinh tại trường học (Q1) được nhập và xử lý bằng Epi-info 6.04.

Nội dung các cuộc phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm được xử lý bằng phương pháp định tính.

Các thông tin, số liệu thu thập được từ 40 trường học đã tham gia dự án Giáo dục vệ sinh giai đoạn 2000-2001, được phân tích và so sánh với 14 trường không tham gia dự án này hoặc các dự án khác do UNICEF tài trợ.

Sau khi soạn thảo, báo cáo đã được trình bày trong một cuộc hội thảo với sự có mặt của các chuyên gia thuộc UNICEF Hà Nội, Vụ công tác học sinh sinh viên - Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cục Y tế dự phòng Việt Nam - Bộ Y tế, Trung tâm nước và VSMT nông thôn – Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Báo cáo đã được chỉnh sửa theo ý kiến của các chuyên gia tham dự hội thảo.

2.6. KHUNG THỜI GIAN VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Toàn bộ cuộc điều tra được tiến hành trong vòng 12 tuần từ tháng 15 tháng 10 năm 2005 đến 15 tháng 1 năm 2006.

Bảng 1. Khung thời gian và kế hoạch thực hiện

Công việc	Tháng 10		Tháng 11				Tháng 12				Tháng 1	
	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
Phần việc 1: Thiết kế nghiên cứu												
Phần việc 2: Thực địa												
Phần việc 3: Phân tích số liệu và viết báo cáo												
Phần việc Trình bày kết quả nghiên cứu và hoàn thành báo cáo												

2.7. THÀNH VIÊN THAM GIA CUỘC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

Thành viên tham gia thực hiện cuộc đánh giá bao gồm các chuyên gia về vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, xã hội học, dịch tễ học của Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Sức khỏe, Trung tâm Ứng dụng Cấp Nước và Vệ sinh Môi trường, Viện xã hội học, Trung tâm Xã hội học của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (Phụ lục 2).

2.8. CÁC TRỞ NGẠI ĐỐI VỚI CUỘC ĐÁNH GIÁ

Dự án thí điểm SSHE được thực hiện từ năm 2000-2001. Đến nay đã qua 4-5 năm, do vậy khó đánh giá tác động trực tiếp của dự án đối với học sinh và cộng đồng.

Cuộc đánh giá này không do cán bộ trung ương của các Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tiếp tiến hành vì thiếu cán bộ tham gia. Do vậy, một đơn vị tư vấn độc lập đã được hợp đồng hỗ trợ cả quá trình đánh

giá. Tuy nhiên, cán bộ cấp trung ương đã tích cực tham gia xây dựng đề cương thiết kế đánh giá. Cán bộ địa phương và trường học cũng tích cực tham gia đánh giá.

54 trường can thiệp và đối chứng nằm trên 1 địa bàn rộng, làm cho quá trình đánh giá mất nhiều thời gian và chi phí.

3. NHỮNG PHÁT HIỆN CHÍNH

3.1. CÔNG TÁC GIÁO DỤC TRUYỀN THÔNG VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VỆ SINH TRONG TRƯỜNG HỌC

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đưa phương pháp giảng dạy tích cực lấy học sinh làm trung tâm áp dụng vào giảng dạy một số môn học như Giáo dục Công dân, Sinh học,...trong các trường tiểu học và THCS vào khoảng năm 1990-1991. Tiếp cận phương pháp giáo dục kỹ năng sống được thực hiện trong dự án “Giáo dục phòng chống HIV/AIDS và tiếp cận kỹ năng sống” vào những năm 1995-1996.

Dự án Giáo dục vệ sinh trong trường học do Chính phủ Hà Lan tài trợ được khởi đầu bằng việc Bộ Giáo dục và Đào tạo mở lớp tập huấn “Tiếp cận phương pháp giáo dục Kỹ năng sống trong giảng dạy vệ sinh ở trường tiểu học” cho một số giáo viên dạy giỏi của 20 trường tiểu học thuộc huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nam và huyện Mỹ Lộc tỉnh Nam Định vào đầu năm 2001. Sau tập huấn, vào tháng 4 và tháng 5 năm 2001, tất cả 20 trường tiểu học tham gia dự án ở hai địa phương trên đã tổ chức cho những giáo viên đã được tập huấn tiến hành giảng dạy một số bài về vệ sinh theo phương pháp tiếp cận Kỹ năng sống. Cuối năm 2001, bốn khóa tập huấn đã được tổ ở Hà Nội và Huế cho 153 giáo viên của 50 trường thuộc 15 tỉnh tham gia dự án. Những người đã được tập huấn này về hướng dẫn lại cho các giáo viên khác ở trường mình.

Phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học được Dự án tập huấn tới nay vẫn còn có tác dụng tốt đối với học sinh các trường dự án. Nhiều giáo viên ở huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nam và huyện Mỹ Lộc tỉnh Nam Định đều có chung ý kiến như ý kiến của một số giáo viên trường tiểu học Thanh Sơn, Kim Bảng, Hà Nam “*Các em học sinh được dạy theo phương pháp cùng tham gia, trực quan và cùng tham gia trò chơi mà lại học được rất nhiều. Đối với môn học tự nhiên xã hội các em muốn hỏi cô giáo nhiều điều để mà nhớ lâu. Các cô giáo lại áp dụng phương pháp giảng bài trao đổi, hỏi đáp, đóng vai, quan sát, thảo luận nhóm, cho học sinh học trên thực địa...đây chính là các cô đã lĩnh hội được một phần kinh nghiệm giảng kỹ năng sống đã được Bộ giáo dục đào tạo tập huấn. Ngoài ra còn do các cô có tích lũy được kinh nghiệm giảng dạy và nâng cao kỹ năng giảng dạy môn học Tự nhiên xã hội, Khoa học và Sức khỏe cho học sinh nhà trường*”. Nhiều học sinh phát biểu: “*Chúng em rất thích cô giáo giảng bài về VSMT và vệ sinh trường học theo cách đóng vai, diễn kịch, nêu vấn đề và để cho chúng em được*

trực tiếp quan sát, trao đổi, thực hành” (Một số học sinh TH Khả phong B, Kim Bảng, Hà Nam).

Cùng với tập huấn phương pháp giảng dạy, dự án còn hỗ trợ các trường tham gia dự án kinh phí để xây dựng công trình vệ sinh và nước sạch ở trường học với mục tiêu vừa đáp ứng cho sinh hoạt của học sinh lúc ở trường vừa là cơ sở để học sinh thực hành các thói quen, hành vi vệ sinh mà các thầy cô giáo đã dạy qua các môn học. Đa số giáo viên được phỏng vấn đã cho biết giống như một số giáo viên TH Châu Sơn B, Kim Bảng, Hà Nam là *“Sau phần giảng lý thuyết ở trên lớp, chúng tôi phải đưa học sinh ra CTVS để dạy cho các em sử dụng CTVS. Việc hướng dẫn phải hết sức tỷ mỉ, phải hướng dẫn cho học sinh bỏ giấy vào chỗ nào, xả nước như thế nào, hướng dẫn cách rửa tay cho học sinh lớp 1”*.

Qua trao đổi với học sinh, giáo viên, lãnh đạo các trường tiểu học, các cán bộ quản lý giáo dục các cấp cho thấy: Việc vận dụng phương pháp giáo dục Kỹ năng sống vào giáo dục vệ sinh trong nhà trường vừa làm cho học sinh được tiếp cận với phương pháp mới gây được hứng thú cho học sinh trong các giờ học và học tích cực, chủ động, vừa giúp cho học sinh có được những kỹ năng cơ bản, cần thiết để tự mình biết ra những quyết định đúng, xóa bỏ những thói quen, tập tục, tập quán lạc hậu, có hại và hình thành được những hành vi sức khỏe lành mạnh như: biết đi đại tiện đúng nơi qui định, biết giữ gìn vệ sinh khi đi đại tiểu tiện, rửa tay sau khi đi đại tiểu tiện, biết bảo quản nguồn nước sạch, xử lý phân và nước thải... CTVS, công trình cấp nước ở trường học được sử dụng như một “giáo cụ trực quan” trong giáo dục vệ sinh cho học sinh. Áp dụng phương pháp giáo dục Kỹ năng sống vào giáo dục vệ sinh trong nhà trường không chỉ bó hẹp trong 20 trường tiểu học tham gia dự án do Hà Lan tài trợ năm 2000-2001, mà ngày nay đã được áp dụng rộng rãi ở cấp tiểu học trong cả nước. Thực vậy, các tài liệu do dự án 2000-2001 biên soạn đã được phát triển áp dụng cho chương trình bạn hữu của UNICEF. Tài liệu của dự án 2000-2001 còn là một trong những tài liệu tham khảo quan trọng để biên soạn cuốn tài liệu “Cộng đồng với chăm sóc môi trường cơ bản và phòng chống tai nạn thương tích trẻ em” đang được coi như một tài liệu chính thức cho đào tạo giảng viên và tuyên truyền viên của dự án VSMT mở rộng hiện nay.

Dự án thí điểm giáo dục vệ sinh do Hà Lan tài trợ chính là bước khởi đầu cho việc phổ biến rộng rãi phương pháp tiếp cận giáo dục kỹ năng sống vào giáo dục vệ sinh trong trường tiểu học nói riêng và vệ sinh môi trường nói chung.

3.2. TÌNH TRẠNG CÔNG TRÌNH NƯỚC TẠI CÁC TRƯỜNG HỌC ĐƯỢC ĐIỀU TRA

Quan sát các công trình nước tại 40 trường tham gia dự án giáo dục vệ sinh do Chính phủ Hà Lan tài trợ năm 2000-2001 (trường can thiệp) và 14 trường học không có sự hỗ trợ của Hà Lan (trường đối chứng) cho thấy đa số các trường tham gia dự án đã xây dựng công trình nước hiện vẫn được sử dụng khá tốt.

Trong số 54 trường học được điều tra, hầu hết các trường đều có nguồn nước tại trường cho học sinh sử dụng. Một trường trong nhóm can thiệp là tiểu học Tân Việt (Thạch An, Cao Bằng) và một trường thuộc nhóm chứng là THCS Nậm Mòn 2 (Bắc Hà, Lào Cai) sử dụng nước máng lần nhưng hiện tại đường dẫn nước bị hỏng, bể chứa nứt vỡ. Nước sử dụng tại trường phải xin của nhà dân cạnh trường.

Loại nguồn nước hiện có ở các trường can thiệp chủ yếu là giếng khoan (41%), nước mưa (30,8%), giếng đào (28,2%), nước máy (15,4%) và nước suối đầu nguồn (12,8%). Ở các trường đối chứng, phổ biến nhất là 3 nguồn nước: Giếng đào (38,5%), giếng khoan (30,8%) và nước suối đầu nguồn (30,8%). Theo quan sát của điều tra viên, đa số nguồn nước tại các trường được điều tra đảm bảo chất lượng về cảm quang (trong, không màu, không mùi, không vị lạ), còn 10,3% số trường can thiệp và 7,7% trường đối chứng có nguồn nước chưa đảm bảo vệ sinh về cảm quang.

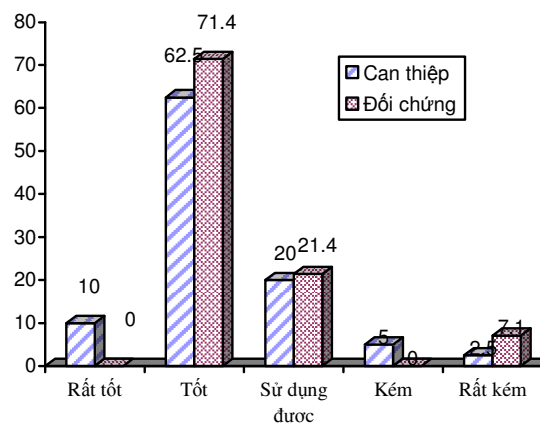


Công trình nước của TH Triệu An 1 (Triệu Phong, Quảng Trị)

Có 46,2% số trường can thiệp được Hà Lan tài trợ xây dựng công trình cấp nước vào năm 2000-2001. Các trường còn lại, công trình cấp nước được xây dựng bởi kinh phí của địa phương hoặc của các tổ chức khác hoặc đóng góp của phụ huynh học sinh. Theo báo cáo tổng kết dự án “Thí điểm giảng dạy Vệ sinh môi trường ở trường học theo phương pháp tiếp cận giáo dục kỹ năng sống” thì *“kinh phí tài trợ của dự án cấp để xây dựng công trình vệ sinh và nước sạch ở trường học (khoảng 9-10 triệu đồng cho một trường) mới chỉ đáp ứng được một phần. Thực tế, mỗi công trình xây dựng hết 12-20 triệu đồng nên các địa phương phải bổ sung thêm khoảng từ 3-10 triệu đồng cho mỗi công trình, ngoài kinh phí của UNICEF”*. Trong số các trường được điều tra, một số trường mới được tài trợ xây dựng mới công trình cấp nước như: TH số 1 Triệu An và TH số 2 Triệu Trạch (Triệu Phong, Quảng Trị) được Tổ chức Tâm nhìn thế giới hỗ trợ trên 10 triệu đồng xây dựng mới công trình cấp nước hay TH Phú Diễn 2 (Phú Vang, Thừa Thiên Huế) được UNICEF tiếp tục tài trợ xây dựng mới công trình cấp nước năm 2005.

Theo quan sát của điều tra viên, đa số nguồn nước tại các trường được điều tra đảm bảo tiêu chuẩn an toàn và thân thiện (không có rêu trơn, giếng có nắp đậy an toàn, dụng cụ lấy nước tiện lợi...) đối với trẻ, còn 5,1% số trường can thiệp và 15,4% trường đối chứng có nguồn nước không đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn và thân thiện đối với trẻ. Các trường có nguồn nước không an toàn đối với trẻ là các trường sử dụng giếng đào không có nắp đậy, không có bơm hút nước mà học sinh phải tự múc bằng gầu. Đoàn đánh giá đã nêu ra trong cuộc họp cuối buổi kiểm tra với đại diện nhà trường và lãnh đạo địa phương, đề nghị địa phương hỗ trợ nhà trường bổ sung thêm nắp đậy, đường ống và bơm điện để hút nước lên cho học sinh sử dụng.

Theo đánh giá của điều tra viên, hơn 2/3 số trường được điều tra có công trình cấp nước hiện đang được sử dụng tốt và rất tốt, khoảng 1/5 số công trình cấp nước sử dụng được (khoảng 50% các thiết bị hiện không còn sử dụng được). Trường can thiệp-tiểu học Tân Việt (Thạch An, Cao Bằng) chưa có bể chứa nước, đường ống dẫn nước về trường bị súc vật làm hỏng chưa khắc phục được nên chưa dẫn nước về sử dụng được tại thời điểm điều tra. Một trường đối chứng-tiểu học Nậm Mòn (Bắc Hà, Lào Cai) chưa có nguồn nước.



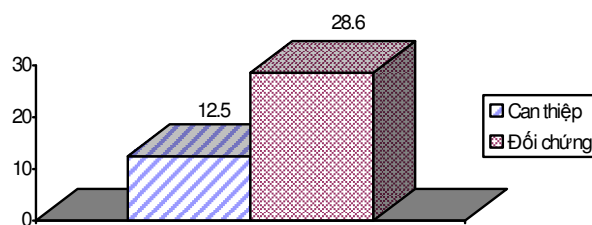
Biểu đồ 1: Kết quả đánh giá chung về chất lượng công trình cấp nước

Một số trường ở Hà Nam (Thụy Lôi và Châu Sơn B) bể chứa nước được xây trên mái bằng nhà tiêu nhưng không có đáy riêng mà lấy luôn mái nhà làm đáy bể nên bị dò, nước thường xuyên chảy từ trên mái nhà xuống làm cho nhà tiêu luôn bị ẩm ướt. Mặt khác, bể lọc nước của tiểu học Châu Sơn B cũng được xây ngay trên mái nhà tiêu rất không thuận tiện cho việc thay cát sỏi hoặc xúc rửa cát sỏi lọc nên nước không được trong, rất nhiều sắt làm ố vàng hết các thiết bị vệ sinh.

Như vậy, mặc dù số trường có nguồn nước không chênh lệch giữa các trường can thiệp và đối chứng, nhưng cả hai trường hiện không có nguồn nước đều là hai trường thuộc khu vực miền núi. Chất lượng của các công trình nước hiện có ở các trường can thiệp và đối chứng không khác nhau nhiều, nhưng tỷ lệ đảm bảo về tiêu chuẩn an toàn và thân thiện của các trường can thiệp cao hơn một chút so với trường đối chứng.

Chỉ có 55% số trường can thiệp và 42,9% số trường đối chứng được điều tra có tổ chức cung cấp nước uống cho học sinh tại trường. Các trường khác học sinh phải tự mang nước từ ở nhà đến trường.

Trong thời gian điều tra, quan sát thấy còn 12,5% số trường can thiệp và 28,6% số trường đối chứng vẫn có học sinh uống nước lã. Những trường có học sinh uống nước lã là những trường không cung cấp nước uống cho học sinh. Cần tổ chức cung cấp nước uống cho học sinh tại trường để giúp cho học sinh thay đổi thói quen uống nước lã.



Biểu đồ 2: Tỷ lệ (%) trường có học sinh uống nước lã

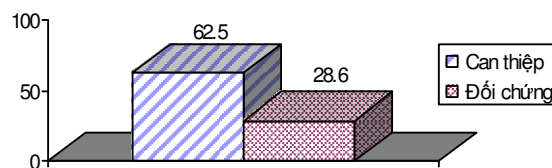
Trong số các trường có cung cấp nước uống cho học sinh, hầu như tất cả các dụng cụ chứa nước uống cho học sinh ở các trường là thùng/bình có vòi và đều có nắp đậy kín. Tất cả dụng cụ lấy nước uống ở các trường đều là ca/cốc có tay cầm. Theo quan sát của điều tra viên thì dụng cụ chứa nước uống cho học sinh và dụng cụ lấy nước uống hiện có ở các trường đảm bảo về mặt vệ sinh.



Nước uống cho học sinh TH Lê Hồ A (Kim Bảng, Hà Nam)

Tóm lại, tỷ lệ các trường can thiệp có cung cấp nước uống cho học sinh cao hơn không nhiều so với các trường đối chứng, tỷ lệ trường đối chứng có học sinh uống nước đã vào hơn ở trường can thiệp. Điều đáng nói là các trường có học sinh uống nước đã vào rơi vào các trường không tổ chức cung cấp nước uống cho học sinh.

62,5% số trường can thiệp có khu vực rửa tay cho học sinh, trong khi số liệu tương ứng ở các trường đối chứng chỉ là 28,6%. Nhìn chung khu vực rửa tay đều tương đối gần nhà tiêu và chỗ tiêu, thuận tiện cho học sinh. Tuy nhiên, còn một trường thuộc nhóm can thiệp là trường tiểu học Lê Hồ A (Kim Bảng, Hà Nam), chỉ có một vòi nước ngay chỗ đi tiêu cho học sinh rửa tay, chưa có khu vực rửa tay riêng.



Biểu đồ 3: Tỷ lệ (%) trường có khu vực rửa tay cho học sinh tại trường

Khu vực rửa tay và nước rửa tay là điều kiện hết sức quan trọng phục vụ cho giáo dục vệ sinh và hướng dẫn thực hành rửa tay cho học sinh. Vậy mà hiện tại, vẫn có 37,5% số trường can thiệp và 71,4% trường đối chứng không có khu vực rửa tay cho học sinh. Khoảng hơn một nửa số trường không có khu vực rửa tay ngay từ khi xây dựng (TH số 2 Triệu Trạch được Tổ chức Tầm nhìn thế giới tài trợ xây dựng công trình cấp nước, nhưng cũng không xây dựng khu vực rửa tay), còn lại khu vực rửa tay có nhưng bị hỏng đường ống nước hoặc không có vòi. Khi được phỏng vấn, cán bộ quản lý giáo dục ở các địa phương đều cho biết “trong mẫu thiết kế công trình vệ sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo cung cấp thì có khu vực rửa tay trong bản vẽ, nhưng do kinh phí không đủ mà một số trường đã không xây khu vực rửa tay”. Điều này cho thấy, trong thiết kế công trình vệ sinh trường học nhất thiết phải có khu vực rửa tay cho học sinh được thiết kế chi tiết cùng với giải pháp bảo vệ đường ống, van vòi nước cho rửa

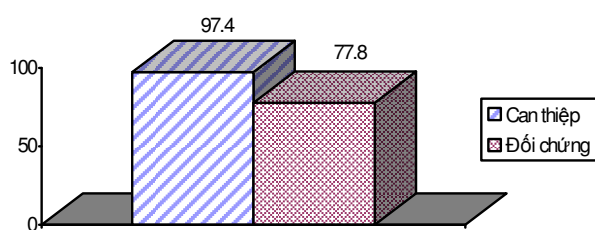


Học sinh trường tiểu học Nguyễn Uy tình Hà Nam thực hành rửa tay sau khi đi vệ sinh.

tay. Khi thi công và nghiệm thu, nhất thiết phải có khu vực rửa tay cùng với các trang thiết bị đầy đủ, đúng theo thiết kế.

Rửa tay sau đại tiện tiện là một trong những hành vi vệ sinh cá nhân hết sức quan trọng. Không có khu vực rửa tay và không có nước ở khu vực rửa tay cũng có nghĩa là thiếu điều kiện để giáo dục thực hành vệ sinh cho học sinh.

Muốn giáo dục hành vi rửa tay đúng cho học sinh thì xà phòng là một trong những điều kiện rất quan trọng. Tuy thế, chỉ duy nhất có một trường có xà phòng cho học sinh rửa tay, đó là trường tiểu học Phú Diễn 2 (Phú Vang, Thừa Thiên Huế). Đây là trường đang được tham gia các hoạt động của dự án cung cấp nước, giáo dục vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường trong trường học do UNICEF tài trợ và do Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Trung tâm nước sạch tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện. Dự án này ngoài việc xây dựng công trình nước và nhà vệ sinh an toàn và thân thiện với trẻ em, có khuyến khích giáo dục và rèn luyện thói quen vệ sinh, sử dụng và bảo quản tốt các công trình nước và vệ sinh và rửa tay bằng xà phòng. Xà phòng được mua từ tiền trích ra từ quỹ xây dựng do phụ huynh đóng góp và giao cho bảo vệ của nhà trường quản lý. Đây là một mô hình tốt cần được phổ biến nhân rộng.



Trong số trường cần có nước để dội nhà tiêu (nhà tiêu tự hoại, thấm dội nước và cầu trượt), 97,4% trường can thiệp có nước để dội nhà tiêu, cao hơn ở trường chứng (77,8%). Có 3 trường không có nước dội nhà tiêu tại thời điểm điều tra: Tiểu học Mỹ

Biểu đồ 4: Tỷ lệ (%) trường có nước dội nhà tiêu

Phước A huyện Mỹ Lộc tỉnh Nam Định (giếng đào, nước bẩn, không có máy bơm hút nước lên bể chứa), tiểu học Mỹ Thịnh huyện Mỹ Lộc tỉnh Nam Định (giếng khoan hỏng, không có nước trong bể chứa nước dội, nước dội lấy từ ao lên rất bẩn) và tiểu học Ngọc Sơn huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nam (máy bơm hỏng không hút được nước lên bể chứa nước dội).

Bảng 2. Tính thuận tiện của việc lấy nước dội nhà tiêu

Lấy nước dội	Can thiệp		Đối chứng	
	n	%	n	%
Gần nơi đại tiện	36	94.7	7	100.0
Vừa tầm mức nước của trẻ	27	71.1	4	57.1
Van vặn nước xả nhẹ nhàng	12	31.6	0	0.0
Không thuận tiện	7	18.4	1	14.3
Tổng	38		7	

Nơi lấy nước dội nhà tiêu sau mỗi lần đại tiện ở đa số các trường là thuận lợi vì bể nước xây gần lỗ tiêu, vừa tầm với của trẻ. Một số trường việc lấy nước dội nhà tiêu chưa tiện lợi lắm vì van xả nước là van nhựa vặn khá nặng đối với học sinh các lớp nhỏ. Thực tế, trong khi dẫn một số học sinh cùng quan sát đánh giá khu vực vệ sinh, chúng tôi đã yêu cầu một số học sinh lớp 1 và lớp 2 thử vặn van xả nước nhà tiêu thì đa số các em nhỏ không vặn được van xả nước. Về điều này, Ban giám hiệu và một số giáo viên cùng đi

thăm khu vệ sinh đã được chứng kiến. Có lẽ đây là một trong những lý do khiến cho các em không xả được nước dội lỗ tiêu làm cho nhà tiêu không được giữ gìn sạch sẽ. Điều này là một trong những điểm được rút kinh nghiệm cần khắc phục trong cuộc làm việc cuối buổi kiểm tra.

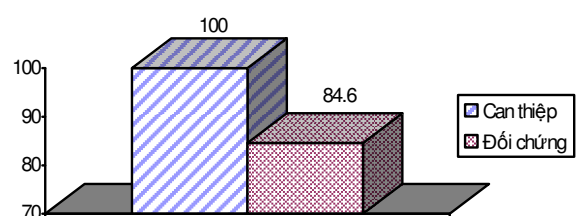
Như vậy, tỷ lệ các trường can thiệp có khu vực rửa tay cho học sinh và có nước dội nhà tiêu cao hơn ở các trường đối chứng.

3.3. TÌNH TRẠNG CÔNG TRÌNH VỆ SINH TẠI CÁC TRƯỜNG HỌC ĐƯỢC ĐIỀU TRA

Hầu hết các trường được điều tra đều có nhà tiêu, trong số các trường can thiệp, PTCS Xà Hồ huyện Trạm Tấu tỉnh Yên Bái hiện không có nhà tiêu. Theo lãnh đạo trường PTCS Xà Hồ: Nhà tiêu do Hà Lan tài trợ xây năm 2001, nay đã hỏng và một trong những nguyên nhân hỏng CTVS là do cơn bão 7/2005 làm đổ, phá hỏng chưa làm lại được khu vệ sinh mới. Trong nhóm đối chứng, trường THCS Suối Bu huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái cũng không có nhà tiêu. Khi được hỏi học sinh đến trường nếu cần đại tiện thì đi đâu, câu trả lời nhận được là thường thì các em đại tiện ở nhà còn nếu nhớ thì đi ra ngoài rừng. Vậy thì giáo dục vệ sinh cho học sinh như thế nào?

Tất cả những nhà tiêu hiện có tại các trường can thiệp đều được tài trợ bởi Hà Lan thông qua UNCEF Hà Nội và hầu hết đều được xây dựng trong năm 2000 hoặc 2001, 2002. Nguồn ngân sách để xây dựng nhà tiêu ở đa số các trường đối chứng là của địa phương, một vài trường được tài trợ bởi các tổ chức quốc tế khác: TH số 2 Triệu Trạch huyện Triệu Phong tỉnh Quảng Trị được Na Uy tài trợ xây dựng nhà tiêu thấm dội nước, TH Vũ Lâm huyện Lạc Sơn tỉnh Hòa Bình được Ngân hàng thế giới tài trợ. Nhà tiêu và hố tiêu và bể chứa nước dội của trường Triệu Trạch 2 được ốp gạch men trắng tương đối rộng rãi và khang trang hơn các nhà tiêu ở các trường do UNICEF tài trợ nhưng việc sử dụng lại không đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh (bẩn, hôi). Nhà tiêu của trường Vũ Lâm được xây dựng năm 1999 và là nhà tiêu cầu trượt thuộc loại không hợp vệ sinh. Như vậy, tài trợ kinh phí đồng thời phải lựa chọn được loại nhà tiêu hợp vệ sinh phù hợp, kết hợp với giáo dục, hướng dẫn cho học sinh cách bảo quản và sử dụng như Dự án thí điểm tại Hà Nam và Nam Định năm 2001 sẽ có hiệu quả hơn.

Tất cả nhà tiêu hiện có ở các trường can thiệp đều đang được sử dụng. Các trường đối chứng chỉ có 84,6% số nhà tiêu được sử dụng, 2 trường có nhà tiêu đào kiểu cũ. Theo một số giáo viên thì rất ít học sinh sử dụng nhà tiêu vì chúng thường đại tiện ở nhà còn hầu như chỉ có giáo viên ở khu tập thể của trường sử dụng. Hai trường đó là: PTCS Bản Lừ (Trạm Tấu, Yên Bái) và PTCS Nậm Mòn 2 (Bắc Hà, Lào Cai).

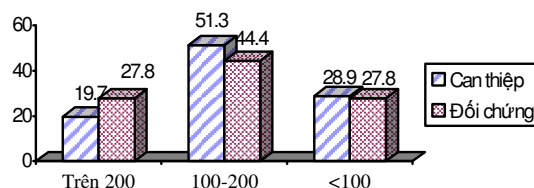


Biểu đồ 5: Tỷ lệ (%) trường có nhà tiêu hiện đang được học sinh sử dụng

Đa số giáo viên và học sinh các trường điều tra đều cho biết "*Dự án Hà Lan tài trợ cho việc xây dựng cụm CTVS gồm: nhà tiêu tự hoại, chỗ đi tiêu, xây bể chứa 10m³ nước. Cho tới nay thì CTVS này vẫn đang được sử dụng có hiệu quả*" (Phạm Thị Thanh lan,

giáo viên chủ nhiệm lớp 5C, TH Tượng Lĩnh, Kim Bảng, Hà Nam). *"Ở trường học ngoài CTVS còn có bể nước to, bể đầy nước, bể có gáo múc nước. Đường đến nhà vệ sinh đi lại dễ dàng. Nhà vệ sinh không có mùi khai thối, được cọ rửa sạch sẽ. Nhà tiểu đủ chỗ cho các bạn đi tiểu. Chúng em đi vệ sinh rất thoải mái không ngại gì cả, các bạn học sinh sau khi đi đại tiện xong vứt giấy đúng nơi, vào sọt trong nhà vệ sinh"* (Nguyễn Đức Mạnh học sinh lớp 5A và Lê Thị Mai học sinh lớp 4A, tiểu học Nhật Tân B, Kim Bảng, Hà Nam).

Theo Quy chế giáo dục thể chất và y tế trường học¹ thì “Số lượng hồ tiêu bình quân từ 100-200 học sinh trong mỗi ca học có 1 hồ tiêu (nam riêng, nữ riêng, giáo viên riêng, học sinh riêng)”. Kết quả điều tra cho thấy: 19,7% số trường can thiệp và 27,8% số trường đối chứng có trên 200 học sinh trên một bệ xí, vượt quá so với qui định của Bộ GD và ĐT. Như vậy, có khoảng hơn 20% số trường mà nhà tiêu hiện có quá tải, cần phải xây dựng thêm hồ tiêu cho học sinh sử dụng.



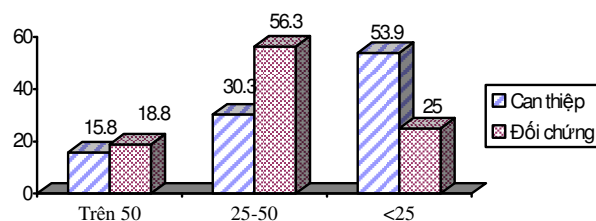
Biểu đồ 6: Tỷ lệ (%) trường học tính theo số lượng bình quân học sinh trên một bệ xí

Khá nhiều giáo viên và học sinh phản nản là CTVS quá nhỏ, không đủ chỗ cho học sinh sử dụng. Một số ý kiến sau đây cho thấy rõ điều đó: *“Các CTVS của trường tiểu học có quy mô quá nhỏ trong khi học sinh lại quá đông nên quá tải.”* (Trần Thị Phương, giáo viên chủ nhiệm lớp 4B, trường TH Mỹ Hà, Mỹ Lộc, Nam Định). *“Có bất cập là số lượng học sinh đông như hiện nay thì công trình vệ sinh này không đủ khả năng đáp ứng”* (Nguyễn Công Hoan, hiệu phó trường TH Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định). *“Dù đã có CTVS, nhưng công trình này còn quá nhỏ so với số lượng học trò nhiều như bây giờ cho nên không thể đáp ứng được nhu cầu của thầy trò trong trường”* (Trần Thị Nhung, giáo viên chủ nhiệm lớp 5C, tiểu học Đồng Hoá, Kim Bảng, Hà Nam). Ông hiệu trưởng trường PTCS Trạm Tầu huyện Trạm Tầu tỉnh Yên Bái cũng cho biết *“các CTVS xây theo quy mô nhỏ trước đây thì hiện nay đều không còn đáp ứng được nhu cầu sử dụng và quy mô lớn của tất cả các trường”*.

Rất ít trường có khu vệ sinh dành riêng cho giáo viên. Bố trí nơi vệ sinh của giáo viên và học sinh chung như hiện tại là bất cập và gây khó khăn cho cả thầy cô lẫn học sinh. *“Điều nữa cũng quan trọng là không nên để khu vệ sinh dành cho giáo viên chung với khu vệ sinh của học sinh vì dễ như thế thì học sinh không dám dùng”* (Một số giáo viên trường tiểu học Thành Sơn, Anh Sơn, Nghệ An). Hầu hết giáo viên được phỏng vấn đều mong muốn có chỗ vệ sinh dành riêng cho giáo viên để không còn phải sử dụng chung với học sinh như hiện nay *“Chúng tôi rất mong có được một nơi vệ sinh dành riêng cho giáo viên”* (Nguyễn Thị Xuất, giáo viên chủ nhiệm lớp 1C, trường tiểu học Thanh Sơn, Kim Bảng, Hà Nam). Đây cũng là mong muốn chung của đa số giáo viên mà chúng tôi đã gặp gỡ. Yêu cầu này của giáo viên phù hợp với Quy chế giáo dục thể chất và y tế trường học đã ban hành.

¹ Quy chế giáo dục thể chất và y tế trường học ban hành theo Quyết định số 14/2001/QĐ – BGD&ĐT ngày 03 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cũng theo Quy chế giáo dục thể chất và y tế trường học “Bình quân trong mỗi ca học đảm bảo 50 học sinh có 1 mét chiều dài hố tiêu”. Kết quả điều tra thực tế cho thấy: có gần 20% số trường học được điều tra bình quân trên 50 học sinh mới có một chỗ tiêu tiện, tức là thiếu chỗ tiêu tiện cho học sinh sử dụng.



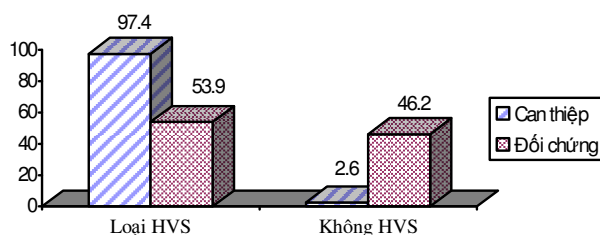
Biểu đồ 7: Tỷ lệ (%) trường học tính theo số lượng bình quân học sinh trên một chỗ tiêu tiện

Một điều rất đơn giản là cần phải có một bản nội qui sử dụng nhà tiêu, hố tiêu ở tại khu vệ sinh, nhưng rất ít trường học có bảng nội qui sử dụng nhà tiêu tại khu vệ sinh của trường (12,8% trường có). Bản nội qui sử dụng nhà tiêu tuy đơn giản nhưng lại có tác dụng nhắc nhở học sinh phải thực hiện đúng mỗi khi sử dụng nhà tiêu, hố tiêu. Khi đoàn đánh giá góp ý, Ban giám hiệu của tất cả các trường thiếu bản nội qui sử dụng nhà tiêu đều tiếp thu và hứa sẽ làm ngay.

Đa số trường can thiệp có ghi chữ trên tường và thực sự tách biệt khu vực vệ sinh dành cho nam và cho nữ ở khu vệ sinh (71,8% trường can thiệp, 36,4% trường đối chứng). Đã 4-5 năm trôi qua, ở trường tiểu học Bình Sơn (Anh Sơn, Nghệ An), bên ngoài có ghi chữ phân biệt khu vực vệ sinh nam nữ rõ ràng, nhưng vào trong khu vệ sinh đi vòng ra phía sau nhà tiêu thì không có bức tường ngăn phân chia nam nữ nữa. Hỏi các em học sinh cùng đi kiểm tra, được biết đúng là các em gái ngại đi tiêu nhưng không dám đề nghị với các thầy cô. Một trường tiểu học khác ở Kim Bảng - Hà Nam, đường vào khu vệ sinh nam đi qua khu vệ sinh nữ (chung cho cả giáo viên và học sinh), khi đi qua chỉ cần quay đầu nhìn vào là có thể nhìn thấy hết toàn bộ khu vực tiêu tiện nữ, một cánh cửa hoặc một bức tường chắn xây che lại thật đơn giản để các em gái yên tâm hơn khi tiêu tiện. Những điều này đoàn đánh giá chúng tôi đã nêu ra với giáo viên, ban giám hiệu và đại diện UBND xã trong cuộc họp rút kinh nghiệm cuối ngày điều tra. Cần thận hơn, các em học sinh gái của một trường tiểu học ở Nam Định (tiểu học Mỹ Tân) còn đề nghị nhà trường làm mái che cho khu tiêu nữ vì sợ các bạn nam đứng trên ban công và lớp học tầng 2 nhìn xuống.

Theo khuyến cáo của Bộ Y tế trong tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu², chỉ có 4 loại nhà tiêu được xếp vào loại nhà tiêu hợp vệ sinh, đó là: Nhà tiêu tự hoại, nhà tiêu thấm dột nước, nhà tiêu hai ngăn sinh thái và nhà tiêu chìm có ống thông hơi (hay còn gọi là nhà tiêu đào cải tiến).

Kết quả điều tra cho thấy: 97,4% số nhà tiêu hiện có ở các trường can thiệp là nhà tiêu tự hoại và thấm dột nước, chỉ có một nhà tiêu loại cầu trượt của PTCS Bảo Nhai B (Bắc Hà, Lào Cai). Tại các trường đối chứng, 46,2% số nhà



² Tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu ban hành theo quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

tiêu hiện có thuộc loại không hợp vệ sinh.

Biểu đồ 8: Tỷ lệ (%) các loại nhà tiêu hiện có ở các trường được điều tra

Ba trường chứng có nhà tiêu đào kiểu cũ là: Tía Dính (Điện Biên Đông, Điện Biên), Bản Lừu (Trạm Tấu, Yên Bái) và Nậm Mòn 2 (Bắc hà, Lào Cai). Hai trường có nhà tiêu kiểu cầu trượt là tiểu học Vũ Lâm (Lạc Sơn, Hòa Bình), Tân Thịnh (Chiêm Hóa, Tuyên Quang) và một trường có nhà tiêu một ngăn là PTCS Thái Cường (Thạch An, Cao Bằng).

Việc lựa chọn loại nhà tiêu xây dựng tại trường học cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, nhưng nhất thiết phải chỉ là một trong bốn loại nhà tiêu hợp vệ sinh theo qui định của Bộ Y tế. Thí dụ, nếu khu vực trường học thiếu nước thì nên chọn nhà tiêu hai ngăn sinh thái hoặc nhà tiêu chìm có ống thông hơi hoặc nếu đất ở khu vực trường học không thấm nước thì phải xây dựng nhà tiêu tự hoại...

Một nhà tiêu tự hoại đảm bảo chất lượng về xây dựng phải có đủ 6 tiêu chuẩn như qui định trong tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu, cụ thể là: bể xử lý gồm có 3 ngăn; bể chứa phân không bị lún sụt; nắp bể chứa phân được trát kín, không rạn nứt; sàn nhà tiêu nhẵn, phẳng, không đọng nước; bể xí có nút nước; và có ống thông hơi cho bể chứa.

Bảng 3. Chất lượng về xây dựng của các loại nhà tiêu thuộc loại hợp vệ sinh

Chất lượng xây dựng	Can thiệp		Đối chứng	
	n	%	n	%
Tự hoại				
Đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh	30	96.8	2	100.0
Không đảm bảo	1	3.2	0	0.0
Tổng	31	100.0	2	100.0
Thấm dội nước				
Đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh	7	100.0	2	40.0
Không đảm bảo	0	0.0	3	60.0
Tổng	7	100.0	5	100.0

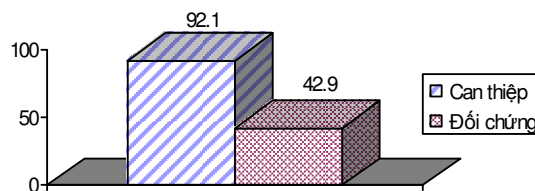
Theo đánh giá của điều tra viên, 96,8% nhà tiêu tự hoại của trường can thiệp đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh về xây dựng, một nhà tiêu không đảm bảo do xiphông bị vỡ không có nút nước. Hai trường đối chứng có nhà tiêu tự hoại đều đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh về xây dựng do mới được xây dựng năm 2004 -2005.

Nhà tiêu thấm dội nước muốn đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng về xây dựng phải có đủ 7 tiêu chuẩn như qui định trong tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu, cụ thể là: Cách nguồn nước ăn uống, sinh hoạt từ 10m trở lên; bể chứa phân không bị lún sụt, thành bể cao hơn mặt đất ít nhất 20cm; nắp bể chứa phân được trát kín, không rạn nứt; sàn nhà tiêu nhẵn, phẳng, không đọng nước; bể xí có nút nước; nước từ bể chứa, đường dẫn phân không thấm và tràn ra mặt đất; và không xây dựng ở vùng thấp, ngập nước hoặc không thấm được nước. Theo đánh giá của điều tra viên, cả 7 nhà tiêu thấm dội nước hiện có ở các trường can thiệp đều đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng về vệ sinh. Trong 5 trường đối chứng có nhà tiêu thấm dội nước thì 3 trường hiện không đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh về xây dựng.

Nhà tiêu tự hoại và thấm dội nước muốn đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh về sử dụng phải có đủ 8 tiêu chuẩn như qui định trong tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu, cụ

thể là: Có đủ nước dội, dụng cụ chứa nước dội không có bọt gầy; không có mùi hôi thối; nước của bể xử lý chảy vào cống hoặc tự thấm, không chảy tự do ra xung quanh; nền nhà tiêu sạch, không có rêu trơn, giấy, rác; không có ruồi hoặc côn trùng trong nhà tiêu; bệ xí sạch, không dính đọng phân; được che chắn kín, ngăn được nước mưa; và giấy vệ sinh bỏ vào lỗ tiêu (nếu là giấy tự tiêu) hoặc bỏ vào dụng cụ chứa giấy bẩn có nắp đậy.

Theo đánh giá của điều tra viên, 92,1% nhà tiêu tự hoại hoặc thấm dội nước của trường can thiệp đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh về sử dụng, ba nhà tiêu không đảm bảo do thiếu nước, bệ xí không sạch, có mùi hôi,... Đối với trường đối chứng có nhà tiêu tự hoại hoặc thấm dội nước thì 57,1% không đảm bảo vệ sinh về sử dụng.

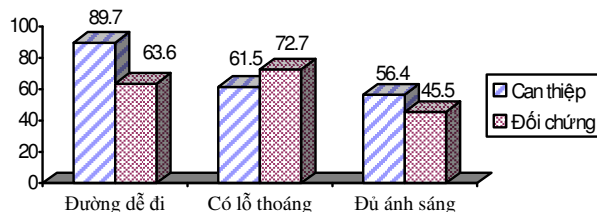


Biểu đồ 9: Tỷ lệ (%) trường có nhà tiêu đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh về sử dụng

Nhà tiêu của 20 trường can thiệp ở Hà Nam và Nam Định (được hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà tiêu và giáo dục vệ sinh trong nhà trường vào năm 2001) đều đang được sử dụng và bảo quản tốt, đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh, trong khi 20 trường được hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà tiêu năm 2002 (không có phần giáo dục) ngoài 1 trường nhà tiêu bị bão phá hỏng, 2 trường có nhà tiêu được bảo quản và sử dụng chưa tốt. Trong số 2 trường đối chứng ở Hà Nam và Nam Định thì cũng chỉ có trường ở Hà Nam sử dụng đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh, còn nhà tiêu của trường Tân Thịnh (Mỹ Lộc, Nam Định) là nhà tiêu thấm dội nước nhưng đã xuống cấp nghiêm trọng và rất bẩn. Như vậy cũng có thể nói việc hỗ trợ kinh phí xây dựng CTVS kết hợp với giáo dục vệ sinh sẽ hiệu quả hơn là chỉ hỗ trợ kinh phí xây CTVS.

Một số tiêu chuẩn đánh giá tính thân thiện và an toàn của nhà tiêu đối với trẻ em được xem xét thông qua một số chỉ số như đường đi đến nhà tiêu, lỗ thoát và ánh sáng trong nhà tiêu.

Đường đến nhà tiêu dễ đi tức là đường đi bằng phẳng, đủ rộng được lát bằng gạch hoặc đổ bê tông, quang đãng, không có vật cản, sạch sẽ... để học sinh đi lại dễ dàng, thuận lợi. Kết quả điều tra, quan sát cho thấy: 89,7% số trường can thiệp và 63,6% số trường chứng có đường đi đến nhà tiêu an toàn, thuận tiện cho học sinh sử dụng.



Biểu đồ 10: Tỷ lệ (%) trường có nhà tiêu đảm bảo thân thiện và an toàn cho trẻ

Có 38,5% nhà tiêu của các trường can thiệp và 27,3% của trường đối chứng không có cửa sổ hoặc lỗ thoáng trong nhà tiêu. Chính vì vậy nên còn có khoảng gần 50% nhà tiêu được điều tra không đủ ánh sáng. Thiếu cửa sổ/lỗ thoáng trong nhà tiêu ngoài việc làm cho nhà tiêu không tận dụng được ánh sáng tự nhiên mà còn làm cho nhà tiêu không thông thoáng, làm cho trẻ ngại sử dụng nhà tiêu.

Như vậy, một điều tưởng chừng như đơn giản là để 1-2 lỗ thoáng trên tường nhà tiêu và cánh cửa nhà tiêu không kín hết mà cắt hụt đi khoảng 20cm ở phía trên để tạo sự

thông thoáng và lấy ánh sáng tự nhiên cho nhà tiêu cũng cần được thể hiện đầy đủ và rõ ràng trên bản vẽ thiết kế công trình vệ sinh trường học.

Bảng 4. Quét dọn nhà tiêu của trường

Quét dọn nhà tiêu	Can thiệp		Đối chứng	
	n	%	n	%
Tần số quét dọn				
Hai lần/ ngày	7	17.9	1	7.7
Hàng ngày	28	71.8	9	69.2
Hai lần mỗi tuần	0	0.0	1	7.7
Hàng tuần	4	10.3	2	15.4
Người quét dọn				
Lao công/nhân viên khác	24	61.5	6	46.2
Giáo viên	1	2.6	3	23.1
Học sinh được phân công	16	41.0	5	38.5
Tổng	39		13	

Theo lãnh đạo các trường, 89,7% số trường can thiệp và 76,9% trường đối chứng có nhà tiêu được quét dọn hàng ngày, các trường còn lại nhà tiêu được quét dọn mỗi tuần hai lần hoặc mỗi tuần một lần.

Người quét dọn nhà tiêu là lao công/bảo vệ chiếm tỷ lệ cao nhất (61,5% trường can thiệp, 46,2% trường đối chứng), sau đó là học sinh được phân công trực nhật (41% trường can thiệp và 38,5% trường đối chứng). Phân công học sinh các lớp cuối cấp tham gia là vệ sinh nhà tiêu, hồ tiểu cũng là một hình thức giáo dục ý thức vệ sinh cho học sinh.

Tóm lại, mặc dù số trường có nhà tiêu không chênh lệch giữa các trường can thiệp và đối chứng, nhưng cả hai trường hiện không có nhà tiêu đều là hai trường thuộc khu vực miền núi. Tỷ lệ nhà tiêu hiện đang được sử dụng ở các trường can thiệp cao hơn ở các trường đối chứng. Tỷ lệ trường can thiệp có nhà tiêu thuộc loại hợp vệ sinh cao hơn ở các trường đối chứng. Các trường có nhà tiêu thuộc loại không hợp vệ sinh đều rơi vào khu vực miền núi. Trong số các trường có nhà tiêu thuộc loại hợp vệ sinh, tỷ lệ nhà tiêu đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh về xây dựng và các tiêu chuẩn vệ sinh về sử dụng ở các trường can thiệp cũng cao hơn ở các trường đối chứng. Hầu như tất cả các trường có nhà tiêu không đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh về sử dụng đều ở khu vực miền núi có nhiều học sinh thiểu số. Tỷ lệ các trường can thiệp có đường đi tới nhà tiêu an toàn và thuận tiện cho học sinh cao hơn các trường đối chứng.

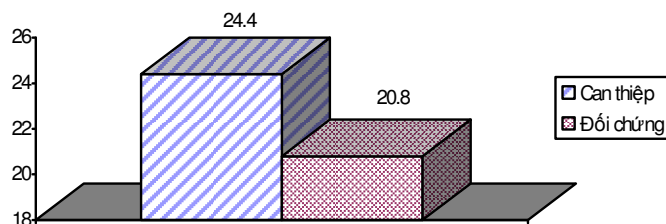
3.4. HÀNH VI VỆ SINH CỦA HỌC SINH SAU ĐẠI TIỂU TIỆN VÀ VỆ SINH TRƯỜNG LỚP



Học sinh TH Liên Sơn (Kim Bảng, Hà Nam) sử dụng CTVS

Kết quả bí mật quan sát theo dõi việc sử dụng nước, công trình vệ sinh và các hành vi vệ sinh của học sinh khi tiểu tiện, đại tiện và rửa tay, chủ yếu là trong giờ ra chơi giữa buổi học cho thấy: 95% số trường can thiệp có quan sát được học sinh đi tiểu tại hố tiểu, hai trường chưa có nơi tiểu tiện riêng (5%) là Xà Hồ (Trạm Tấu, Yên Bái) và Pú Nhi (Điện Biên Đông, Điện Biên) nên không quan sát được. Trong 14 trường đối chứng, quan sát được học sinh tiểu tiện ở 78,6% số trường, còn 3 trường (21,4%) không quan sát được.

Tính trung bình, có 24,4% số học sinh có mặt ở 38 trường can thiệp và 20,8% số học sinh có mặt ở 11 trường đối chứng đã tiểu tiện tại thời điểm ra chơi giữa buổi học.



Biểu đồ 11: Tỷ lệ (%) trung bình học sinh tiểu tiện quan sát được tại thời điểm điều tra

Trong số học sinh đi tiểu tiện quan sát được, chỉ có học sinh của hai trường can thiệp là Nhật Tân B (Kim Bảng, Hà Nam) và Phú Diễn 2 (Phú Vang, Thừa Thiên Huế) đều thực hiện hành vi dội nước sau khi tiểu tiện. 71,1% trường can thiệp và 36,4% trường đối chứng có một số học sinh có dội nước sau tiểu tiện. Sở dĩ không phải tất cả học sinh đều thực hiện hành vi dội nước sau tiểu tiện một phần vì trong cùng một thời điểm có nhiều học sinh cùng đi tiểu tiện, một vài học sinh vịn vôi xả nước hoặc mức nước ở bể chứa dội là đã đủ rửa trôi nước tiểu của cả nhóm học sinh. Còn tới 45,5% trường chứng và 18,4% trường can thiệp không có học sinh nào dội nước sau tiểu tiện. Đó là những trường không có bể chứa nước dội ở khu vực tiểu tiện.

Khi dẫn nhóm học sinh ra khu vệ sinh của trường, nhóm đánh giá thường yêu cầu 2-3 học sinh đóng vai đi tiểu tiện để tất cả nhóm cùng quan sát và nhận xét. Kết quả quan sát thực hành cho thấy: không phải tất cả những học sinh được đóng vai đều đã thực hiện hành vi dội nước và rửa tay sau tiểu tiện. Mặc dù những thiếu sót này của học sinh đóng vai đều được những học sinh cùng quan sát nhận thấy và bổ sung, nhưng qua đó cũng cho thấy việc dội nước và rửa tay sau tiểu tiện chưa trở thành thói quen thường trực của tất cả học sinh.



Điều tra viên cùng với học sinh TH Thành Sơn (Anh Sơn, Nghệ An) thảo luận tại CTVS

Kết quả quan sát thực tế về hành vi rửa tay sau tiểu tiện được trình bày ở bảng dưới đây đã minh chứng rõ hơn nhận xét đó.

Bảng 5. Rửa tay sau tiểu tiện

Rửa tay sau tiểu tiện	Can thiệp		Đối chứng	
	n	%	n	%
Tất cả học sinh	4	10.5	0	0.0
Một số học sinh	21	55.3	4	36.4
Không học sinh nào	8	21.1	5	45.5
Không có nước	5	13.2	2	18.2
Tổng	38	100.0	11	100.0

Trong số học sinh đi tiểu tiện, bốn trường can thiệp có tất cả học sinh đã rửa tay sau tiểu tiện, đó là: Tân Sơn A và Nhật Tân B (Kim Bảng, Hà Nam), Mỹ Hưng (Mỹ Lộc, Nam Định) và Phú Diễn 2 (Phú Vang, Thừa Thiên Huế). Có 55,3% trường can thiệp và 36,4% trường chứng có một số học sinh đã rửa tay sau tiểu tiện. Tỷ lệ trường không có học sinh nào rửa tay sau tiểu ở các trường can thiệp (21,1%) thấp hơn ở các trường chứng (45,5%).

Chỉ có một trường duy nhất có xà phòng cho học sinh rửa tay, đó là tiểu học Phú Diễn 2 (Phú Vang, Thừa Thiên Huế), trường đang được tham gia dự án cung cấp nước, giáo dục vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường trong trường học do UNICEF tài trợ và do Trung tâm y tế dự phòng phối hợp với Trung tâm nước sạch tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện. Quan sát học sinh rửa tay, một số học sinh của tiểu học Phú Diễn 2 (trong số tiểu tiện) đã rửa tay đúng.

Rửa tay đúng trước hết phải có xà phòng và cách thức rửa cụ thể như sau: Làm ướt và xoa xà phòng vào lòng và mu bàn tay, sát 2 lòng bàn tay với nhau rồi dùng lòng bàn tay này sát lên mu bàn tay kia vài ba lần, dùng ngón và bàn của tay này xoay và cuốn quanh lần lượt từng ngón, đặc biệt là đầu móng tay, cuối cùng là rửa sạch tay dưới vòi nước chảy.

Trong thời gian điều tra, chúng tôi gặp rất ít học sinh đi đại tiện. Tỷ lệ trường có học sinh đi đại tiện quan sát được là 27,5% trường can thiệp và 7,1% trường đối chứng. Trường có nhiều học sinh sử dụng nhà tiêu quan sát được nhất là trường Đức Phong (Bù Đăng, Bình Phước) với 31 học sinh, trường Liên Sơn (Kim Bảng, Hà Nam) có 7 học sinh, các trường còn lại chỉ quan sát được 1 đến 3 học sinh.



Học sinh TH Thành Sơn A (Kim Bảng, Hà Nam) vận nước dội sau đại

Trong số học sinh đại tiện, 9/11 trường can thiệp có tất cả số học sinh đại tiện đã dội/xả nước sau đại tiện, còn 2/11 trường can thiệp và 1/1 trường chứng vẫn còn có học sinh không dội/xả nước sau đại tiện.

Bảng 6. Rửa tay sau đại tiện

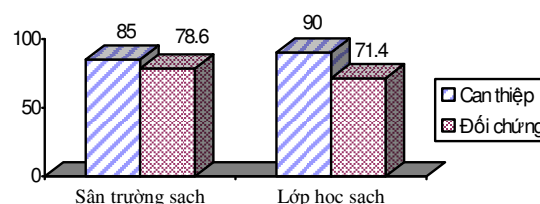
Rửa tay sau đại tiện	Can thiệp		Đối chứng	
	n	%	n	%
Tất cả học sinh	7	63.6	0	0.0
Một số học sinh	3	27.3	1	100.0
Không học sinh nào	1	9.1	0	0.0
Không có nước	0	0.0	0	0.0
Tổng	11	100.0	1	100.0

Trong số các trường quan sát được học sinh đi đại tiện, 63,6% (7/11) trường có tất cả số học sinh đã rửa tay sau đại tiện, 3/11 trường can thiệp không phải tất cả học sinh rửa tay sau đại tiện và còn 1/11 trường (Bản Mù, Trạm Tấu, Yên Bái) không ai trong số 3 học sinh rửa tay sau đại tiện. Không trường nào trong số quan sát được học sinh đi đại tiện có xà phòng rửa tay nên không học sinh nào rửa tay đúng.

Trong khi dẫn nhóm học sinh ra khu vệ sinh của trường, sau khi đóng vai tiểu tiện, nhóm đánh giá cũng yêu cầu một vài học sinh đóng vai đi đại tiện. Tỷ lệ học sinh dội/ xả nước và rửa tay sau đại tiện khá cao và cao hơn sau tiểu tiện. Tỷ lệ học sinh có sử dụng xà phòng cũng khá cao và tỷ lệ rửa tay đúng cũng tương đối cao. Một số học sinh quên không sử dụng xà phòng (mặc dù ở chỗ rửa tay đang có xà phòng) và một số rửa tay chưa hoàn toàn đúng. Sau khi quan sát một số học sinh đóng vai đại, tiểu tiện và rửa tay, các em học sinh trong nhóm quan sát cùng đưa ra nhận xét phân tích xem các bạn đã sử dụng nhà tiêu, hố tiêu và thực hành vệ sinh (rửa tay) như thế nào và cuối cùng người điều khiển thảo luận nhóm nói rõ các bước thực hành đúng khi đại tiểu tiện cũng như qui trình rửa tay đúng.

Kết quả thảo luận nhóm với giáo viên và học sinh các trường còn cho thấy: Giáo viên và học sinh ở phần lớn các trường học ở Hà Nam và Nam Định đều xác nhận là vào đầu năm học mới nhập trường (đầu năm lớp 1) đã được cô giáo dẫn ra khu vệ sinh để hướng dẫn cách sử dụng nhà tiêu, hố tiêu. Như vậy, mục đích của dự án đã đạt được và duy trì tốt là nhà tiêu không chỉ phục vụ cho nhu cầu vệ sinh của giáo viên và học sinh mà còn là “giáo cụ trực quan” cho học sinh thực hành các bài học về vệ sinh. Ngược lại, ở các tỉnh được điều tra còn lại, việc làm này hầu như chưa được thực hiện. Nhóm đánh giá đã đưa ra khuyến nghị sử dụng công trình nước và vệ sinh để hướng dẫn thực hành vệ sinh cho học sinh trong các cuộc họp cuối buổi đánh giá, cũng như trong buổi họp rút kinh nghiệm với Phòng và Sở Giáo dục-Đào tạo các địa phương. Đồng thời nhóm đánh giá cũng đưa ra kiến nghị “Kết quả giáo dục về sử dụng nhà tiêu, hố tiêu và rửa tay sau đại tiểu tiện sẽ còn tốt hơn nếu học sinh các lớp khác ngoài lớp 1 cũng được thầy cô giáo hướng dẫn nhắc lại hàng năm tại CTVS của trường”.

Đa số sân trường và lớp học của các trường được điều tra đều sạch sẽ. Không có trường nào có sân trường bẩn, nhưng còn một lớp thuộc nhóm đối chứng có lớp học không được sạch sẽ.



Biểu đồ 12: Tỷ lệ (%) trường có sân trường và lớp học sạch

Tỷ lệ trường có thùng đựng rác ở tất cả các lớp thuộc nhóm can thiệp (52,5%) cao hơn ở nhóm đối chứng (28,6%). Tỷ lệ trường không có thùng đựng rác trong số các trường can thiệp (12,5%) thấp hơn ở nhóm các trường đối chứng (35,7%).

Hầu hết các trường được điều tra đều có khu vực chứa rác. Đó là những hố đất đào, một số trường đã xây thành các bể chứa rác, nhưng phần lớn khu vực đổ rác đều không được rào ngăn cách trẻ. Hầu hết các trường đều xử lý rác bằng cách đốt tại hố chứa.



Hố chứa rác của trường TH Nhật Tân B (Kim Bảng, Hà Nam)

Tóm lại, tỷ lệ các trường can thiệp có học sinh thực hiện hành vi dội nước và rửa tay sau đại tiểu tiện cao hơn ở các trường đối chứng. Tỷ lệ các trường can thiệp có sân trường và lớp học sạch cũng nhìn hơn ở các trường đối chứng.

3.5. TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH VỆ SINH VÀ GIÁO DỤC VỆ SINH TRONG NHÀ TRƯỜNG ĐỐI VỚI GIA ĐÌNH HỌC SINH VÀ CỘNG ĐỒNG

Lý do khó đánh giá tác động giáo dục của riêng dự án thí điểm tại Việt Nam về giáo dục vệ sinh cá nhân và vệ sinh trường học do Chính phủ Hà Lan tài trợ năm 2000-2001 tới gia đình học sinh và cộng đồng vì khi tiến hành đánh giá thì dự án đã kết thúc được hơn 3 năm rồi. Mặc dù vậy, qua phỏng vấn các cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ quản lý dự án ở Trung ương, tỉnh, huyện, lãnh đạo nhà trường, giáo viên và học sinh các trường được điều tra cũng cho thấy phần nào tác động của giáo dục vệ sinh, các công trình vệ sinh nước sạch trong nhà trường đối với cộng đồng.

Theo báo cáo tổng kết Dự án của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì “*tại các xã có trường học triển khai dự án, đã có sự tham gia tích cực của cộng đồng vào một số hoạt động cụ thể là: Tất cả các xã đã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng công trình vệ sinh nước sạch ở trường tiểu học, trong đó có đại diện UBND, HĐND, Hội cha mẹ học sinh, các ban ngành liên quan và Ban giám hiệu nhà trường. Các thành viên này đã quyết định việc chọn vị trí, địa điểm xây dựng, góp ý chọn loại hình cấp nước, mẫu nhà tiêu, hố tiểu phù hợp và chịu trách nhiệm huy động vốn, tổ chức thi công, nghiệm thu công trình. Ngoài kinh phí của Dự án Trung ương cấp, các xã đều đã huy động thêm được từ 3-10 triệu đồng để xây dựng CTVS, nước sạch cho trường học. Số tiền đó được huy động từ các nguồn do ngân sách xã bổ sung, do dân đóng góp bằng tiền hoặc công lao động. Sau khi hoàn thành CTVS-NS trong trường học, nhiều xã đã phát động thi đua xây dựng nhà tiêu tự hoại, khoan giếng, xây bể lọc nước trong thời kỳ đó*”.

Đến nay, một số trường vẫn phát huy được sự phối kết hợp tốt giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng trong việc giáo dục vệ sinh cho học sinh: *“Thông qua Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ, Xóm trưởng để kiểm tra học sinh về gia đình có thực hiện được các hành vi VSMT hay không. Trường còn nắm thông tin qua “hòm thư giúp bạn” của học sinh, thông qua các hội nghị hội thảo do Trạm Y tế tổ chức và cung cấp thông tin cho nhà trường”* (Trương Thị Sơn, giáo viên chủ nhiệm lớp 3 A, tiểu học Kim Bình, Kim Bảng, Hà Nam).



Thảo luận nhóm với học sinh TH Thượng Cốc (Lạc Sơn, Hòa Bình)

Hiệu trưởng trường tiểu học Thành Sơn cho biết *“Trường tiểu học Thành Sơn tham gia dự án năm 2000, các công trình vệ sinh, bể nước, giếng nước, sân chơi... đã tạo cho học sinh ý thức về giữ gìn vệ sinh môi trường. Đã có bình lọc nước và bình chứa nước uống cho học sinh, đã vận động các cấp chính quyền và cộng đồng cùng tham gia với chương trình. Nhà trường cùng với Đoàn Thanh niên cùng kiểm tra, giám sát các hành vi vệ sinh của học sinh. Kinh nghiệm cho thấy nếu mối liên hệ giữa nhà trường gia đình và cộng đồng chặt chẽ thì công tác giáo dục vệ sinh đạt kết quả cao”*. Chuyên viên Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thừa Thiên Huế rút ra bài học kinh nghiệm *“muốn giáo dục vệ sinh cho học sinh có hiệu quả thì phải phối hợp với địa phương để tạo ra được điều kiện thực hành cho học sinh. Trong nhiều năm qua các trường đã có tham gia vào dự án do Chính phủ Hà Lan tài trợ, tham gia vào dự án Bạn hữu trẻ em. Kinh nghiệm tổ chức làm dự án trường học cho thấy ít nhất cũng phải có một Ban điều hành cấp tỉnh và phải có sự phối hợp với Trung tâm nước sinh hoạt nông thôn”* (Nguyễn Văn Hải, chuyên viên Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thừa Thiên Huế).

Tác động tích cực của dự án giáo dục vệ sinh và công trình vệ sinh, nước sạch đối với gia đình học sinh và cộng đồng ở vùng đồng bằng tương đối rõ. Ý kiến nhận xét của giáo viên và học sinh các trường tham gia dự án ở vùng đồng bằng cho thấy:

Tại Mỹ Lộc Nam Định, giáo viên các trường tiểu học tham gia dự án cho rằng: *“Khi giáo viên tuyên truyền cho học sinh tức là tuyên truyền cho gia đình và cũng là tuyên truyền cho cộng đồng dân cư, cho gia đình dùng nhà vệ sinh sạch, từ đó giảm thiểu các bệnh liên quan tới môi trường bẩn, ô nhiễm. Cùng với loa đài thì giáo viên và học sinh là những người tuyên truyền tích cực”* (Nguyễn Bích Thảo, giáo viên chủ nhiệm lớp 3B, tiểu học Mỹ Phúc, Mỹ Lộc, Nam Định). *“Cũng từ phong trào này mà xã Mỹ Hà cũng trở thành địa phương có nhiều hộ gia đình xây dựng và cải tạo lại CTVS cho hợp vệ sinh”* (Vũ Thị Liên, giáo viên chủ nhiệm lớp 5C, trường tiểu học Mỹ Hà, Mỹ Lộc, Nam Định). Tác động của công trình vệ sinh và công trình nước đến gia đình và cộng đồng còn thể hiện ở chỗ là học sinh đã biết đưa những điều đã học ở trường vào trong sinh hoạt hàng ngày ở nhà: *“Không uống nước chưa đun sôi, không ăn quả xanh, không ăn rau sống chưa rửa sạch, không ăn quà vặt, biết rửa tay trước khi ăn và sau đại tiện tiện bằng xà phòng, thường xuyên diệt ruồi muỗi bằng thuốc xịt hoặc vệt muỗi, không vứt rác bừa bãi, thường xuyên cắt móng tay, thức ăn phải đậy lồng bàn và không để ôi thiu... Học sinh còn đem những điều đã học được ở trường nói với bố mẹ và những người xung quanh, nhắc nhở mọi người không nên vứt rác bừa bãi, giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, đòi bố mẹ xây nhà vệ sinh sạch sẽ”* (Một số học sinh trường tiểu học Mỹ Hưng, Mỹ Lộc,

Nam Định như: Đặng Văn Sơn lớp 5C, Đặng Thu Hiền lớp 5C, Lê Thị Mai lớp 4E...). “Cố con em học ở các trường tiểu học, các bậc phụ huynh học sinh và nhân dân địa phương rất an tâm khi các em được học và vui chơi trong một môi trường trong sạch, đặc biệt là học sinh bán trú. Đã có rất nhiều hộ gia đình xây công trình vệ sinh như nhà trường. Nhìn chung là với điều kiện của trường như hiện nay thì phụ huynh học sinh và người dân địa phương đều cảm thấy hài lòng” (Đặng Thị Định, giáo viên chủ nhiệm lớp 5C, trường TH Mỹ Hưng, Mỹ Lộc, Nam Định). Các cô giáo trường tiểu học Mỹ Hà cũng rất phấn khởi chia sẻ rằng ở địa phương họ đã có rất nhiều gia đình xây được nhà vệ sinh dội nước hay tự hoại hợp vệ sinh.

Các trường có dự án ở tỉnh Hà Nam coi tác động của việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh là điều tâm đắc, nghĩa là trên cơ sở có giáo dục về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường trường học thì kỹ năng sống được lồng ghép luôn vào đó. Ví dụ như ở trường tiểu học Thi Sơn “điều tự hào nhất là nhà trường đã giáo dục thói quen cho học sinh tới mức nhuần nhuyễn rồi cho nên bất cứ ở chỗ nào học sinh cũng sẽ thực hiện tốt. Cái đó có tác động mạnh tới gia đình, tới cộng đồng. Chỉ cần CTVS trường học được thiết kế và xây đúng kỹ thuật, có người chịu trách nhiệm kiểm tra, có người quét dọn hàng ngày, có kinh phí để tu sửa để duy trì lâu dài” (Nguyễn Văn Lâm, phó hiệu trưởng tiểu học Thi Sơn, Kim Bảng, Hà Nam). Có nơi coi hoạt động giáo dục vệ sinh cá nhân và VSMT là một thành phần của hoạt động xây dựng làng văn hoá. Họ cho rằng “giáo dục như thế này sẽ tác động tới nề nếp sinh hoạt vệ sinh của các gia đình và của cả cộng đồng. Công trình vệ sinh, nước sạch đã có tác động rất lớn đến gia đình và cộng đồng. Các em học sinh đã tuyên truyền là gia đình nên làm như ở nhà trường. Chính quyền địa phương, các Ban, ngành và cộng đồng đã ủng hộ tối đa. Các em đã thúc dục bố mẹ phải làm CTVS hợp vệ sinh như là hổ xí tự hoại..., không dùng phân tươi bón rau” (Một số giáo viên TH Nguyễn Uý, Kim Bảng, Hà Nam như: Lê Thị Thanh chủ nhiệm lớp 4C, Hà Thị Oanh chủ nhiệm lớp 3A). Có lẽ một trong những kỳ vọng của dự án là làm cho học sinh có thói quen vệ sinh cá nhân và giữ được VSMT tốt hơn, mang đến cho gia đình và cộng đồng kiến thức thông qua các em. “Bản thân học sinh có thói quen tốt dần lên khi được sử dụng CTVS tự hoại ở trường rồi áp dụng về gia đình mình. Học sinh của trường đã có ý thức vận dụng lý thuyết và thực hành ở nhà mình, có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường như nhặt rác cho vào thùng, vệ sinh ở lớp học, đi đại tiểu tiện đúng nơi quy định, hàng tuần tổ chức tổng vệ sinh trong toàn trường. Thông qua hợp phụ huynh nắm bắt tình hình học sinh thực hành vệ sinh ở gia đình. Học trên lớp, học sinh và giáo viên trao đổi về các hành vi vệ sinh” (Nguyễn Thị Lan, giáo viên chủ nhiệm lớp 4A, tiểu học Khả Phong A, Kim Bảng, Hà Nam).

Công trình vệ sinh và nước sạch còn dùng làm “mô hình thực địa để giáo dục thực hành vệ sinh cho học sinh cả trường, nhân dân và chính quyền địa phương rất quan tâm đến VSMT, có chỉ đạo quy định ngày 7 hàng tháng toàn dân tham gia làm VSMT và học sinh trong trường phải tham gia. Học sinh có kiểm tra nhau, theo dõi nhau về thực hiện hành vi vệ sinh tại gia đình và cộng đồng. Có khen thưởng kỷ luật khi giữ công trình vệ sinh sạch sẽ. Học sinh rất thích CTVS ở nhà trường vì nó sạch sẽ và rất thuận tiện. Học sinh mong muốn ở nhà mình bố mẹ cũng làm CTVS giống như ở nhà trường. Ngoài tác động trong nhà trường việc giáo dục VSMT cho học sinh còn có tác động đến gia đình và tác động trực tiếp đến cộng đồng dân cư” (Phó hiệu trưởng trường tiểu học Khả Phong B, Kim Bảng, Hà Nam). “Khi mà học sinh được làm quen với công trình vệ sinh sạch đẹp thì sẽ dễ dàng học theo và sẽ có ý thức về vấn đề giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, vận động gia đình mình làm theo, nâng cao ý thức vệ sinh trong cộng đồng, giữ

được VSMT của nông thôn, giữ vệ sinh cá nhân, thân thể các em sạch sẽ. Nhà trường và địa phương đánh giá rất cao vấn đề này và nhiều người dân trong xã quan tâm” (Một số giáo viên trường TH Lê Hồ A, Kim Bảng, Hà Nam như: Cô Nga, cô Biên, thầy Toàn, thầy Tú). Một điều tâm đắc nữa được bày tỏ khi khảo sát tại trường Tân Sơn B, Kim Bảng, Hà Nam. Ở đây coi CTVS và NS không chỉ là những nơi chỉ có mục đích sử dụng cho học sinh và giáo viên mà tác động của nó được truyền đến cả gia đình và cộng đồng *“bởi vì giáo dục ý thức mà đi đôi với việc làm cụ thể và hoạt động lao động cụ thể nhằm giữ gìn vệ sinh môi trường, rèn luyện ý thức về vệ sinh cá nhân và vệ sinh trường học của các trường thì nhận thức đó sẽ trở thành vững chắc, rồi sẽ đạt mức chuẩn, mà chỗ nào nói đạt hiện nay chỉ nhất thời thì rồi sẽ thành vững chắc nếu luôn có CTVS và NS hợp chuẩn để thực hành”* (Một số giáo viên trường TH Tân Sơn B, Kim Bảng, Hà Nam tham gia thảo luận nhóm).

Các giáo viên trường tiểu học Đồng Hoá còn cho rằng *“CTVS của trường rất có tác động đến gia đình và đến cộng đồng. Ví dụ như các em học sinh cho rằng bây giờ dân cư thôi không dùng phân tươi bón cây vì làm ô nhiễm môi trường mà phải ủ phân. Học sinh đã tích lũy được kiến thức từ việc thực hành và có ý thức bảo vệ môi trường”* (Một số giáo viên TH Đồng Hoá, Kim Bảng, Hà Nam tham gia thảo luận nhóm). *“Lợi nhất là khi đã có CTVS, NS thì nhận thức của học sinh và giáo viên được nâng lên rất nhiều. CTVS và nước sạch có tác động tích cực đến gia đình học sinh và cộng đồng. Khi chính quyền xã, nhà trường và gia đình quan tâm, học sinh sẽ ngoan, ý thức bảo vệ và giữ gìn CTVS và thực hiện tốt các hành vi vệ sinh, ví dụ sau khi đi vệ sinh cũng phải rửa tay bằng xà phòng, uống thuốc tẩy giun ít nhất 2 lần trong một năm...”* (Một số giáo viên trường TH Thanh Sơn, Kim Bảng, Hà Nam tham gia thảo luận nhóm).

Theo ý kiến của lãnh đạo Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh Bình Phước, Phòng Giáo dục-Đào tạo huyện Bù Đăng và lãnh đạo các trường được điều tra thì *“các công trình vệ sinh đã có tác động tốt đến gia đình học sinh và đến cộng đồng. Việc thu gom rác và xử lý rác đã được thực hiện thường xuyên”*. Cụ thể hơn *“CTVS, công trình nước sạch đã lôi cuốn sự chú ý của gia đình học sinh và cộng đồng. Kết quả vận động gia đình và cộng đồng cùng với hỗ trợ của dự án đã xây dựng CTVS ở nhà trường. CTVS này đã giúp cho học sinh tạo được thói quen tốt, tạo ra được kỹ năng sống cho học sinh, tạo môi trường xanh sạch đẹp, giúp cho giáo viên phát huy được phương pháp dạy của mình đối với học sinh. Thông qua đó việc tuyên truyền cho cha mẹ học sinh, cho cộng đồng càng dễ dàng hơn”* (Cán bộ phòng GD-ĐT huyện Bù Đăng, Bình Phước). Lãnh đạo trường tiểu học BomBo cho rằng *“công trình vệ sinh và nước sạch có tác động thực sự đến cộng đồng và gia đình học sinh, sau CTVS và công trình nước, trường còn được cải tạo cả hệ thống chiếu sáng”*. Bài học rút ra cho thành công của dự án giáo dục vệ sinh trong trường học được Lãnh đạo Sở Giáo dục-Đào tạo là *“nếu ở đâu cấp uỷ và chính quyền tích cực ủng hộ và thực sự coi đó là nhiệm vụ mình phải quan tâm, phải vào cuộc thì ở đó chương trình được triển khai tốt”* (Giám đốc Sở GD-ĐT tỉnh Bình Phước).

Đối với vùng núi, đa số học sinh là người dân tộc thiểu số, tác động của giáo dục vệ sinh trong nhà trường tới cộng đồng còn hạn chế. Các ý kiến trao đổi sau đây cho thấy rõ điều đó.

Ông hiệu trưởng trường PTCS Trạm Tàu cho biết *“chương trình đã có tác động rất lớn đến nhà trường, đến gia đình và cộng đồng, đã làm cho chính quyền phải ra tay kết hợp với nhà trường làm đường ống dẫn nước về cho nhà trường và học sinh cũng có nước sạch để sử dụng”*. Ngược lại, khi thảo luận với giáo viên các trường ở huyện Văn

Chân thì được biết: “*Tác động của CTVS, nước sạch tới gia đình và cộng đồng theo quan sát của giáo viên chúng tôi là chưa cao, biểu hiện là phụ huynh và cộng đồng địa phương chưa nhiệt tình lắm với chương trình NS và CTVS trường học, nhất là các phụ huynh ít quan tâm đến vệ sinh của con mình*” (Giáo viên TH Suối Giàng, Văn Chấn, Yên Bái).

Tại trường Bảo Nhai huyện Bắc Hà, Lào Cai, giáo viên chia sẻ ý kiến về vấn đề tác động của CTVS, nước sạch và giáo dục VSMT đến gia đình và cộng đồng thì “*ở trường đã có nước sạch và vì có nước sạch cho nên bà con dân tộc cũng đã cho con em mình vào ở bán trú rất đông. Gần đây chính quyền ở địa phương đã có tỏ ra quan tâm đến trường học như mắc điện, cho nguồn nước, cùng với các thôn sửa sang tạm thời lại các CTVS tạm bợ cho học sinh dùng. Việc giáo dục vệ sinh cho học sinh ở trường gặp rất nhiều khó khăn, chẳng hạn như đến lớp học sinh còn không rửa mặt, thầy cô giáo còn phải rửa mặt cho chúng, rồi học sinh đi vệ sinh bừa bãi, đưa nhau đi tiểu tiện ở ngoài nhà vệ sinh, bởi vậy tác động của giáo dục vệ sinh đối với gia đình và cộng đồng còn rất hạn chế*” (Giáo viên trường Bảo Nhai, Bắc Hà, Lào Cai). “*Hiện tại có tới 95% số hộ gia đình không có nhà vệ sinh như của nhà trường, do đó nếu đầu tư cho giáo dục thì sẽ có tác dụng lôi kéo các hộ dân làm CTVS như của nhà trường*” (Hiệu trưởng trường Bảo Nhai, Bắc Hà, Lào Cai). “*Ở vùng cao học sinh và gia đình chưa có thói quen ăn ở vệ sinh, sinh hoạt chưa có nề nếp. CTVS và nước sạch trong trường học có ý nghĩa thiết thực trong giáo dục chuyển đổi nhận thức cho học sinh, giúp các em hình thành dần thói quen vệ sinh*” (Lãnh đạo Sở GD-ĐT tỉnh Lào Cai).

Tương tự như ở Lào Cai, qua giáo viên và học sinh các trường được điều tra ở Thạch An tỉnh Cao Bằng, huyện Chiêm Hoá tỉnh Tuyên Quang và huyện Điện Biên Đông tỉnh Điện Biên thì tác động của CTVS, NS ở trường đối với gia đình học sinh và cộng đồng dân cư còn là rất ít, rất hạn chế.

4. KẾT LUẬN

4.1. NHỮNG ĐIỂM THÀNH CÔNG

4.1.1. Giáo dục vệ sinh trong trường tiểu học qua tiếp cận phương pháp giáo dục kỹ năng sống đã được phát triển

Việc vận dụng phương pháp giáo dục Kỹ năng sống vào giáo dục vệ sinh trong nhà trường vừa gây được hứng thú cho học sinh trong các giờ học và học tích cực, chủ động, vừa giúp cho học sinh có được những kỹ năng cơ bản, cần thiết để tự mình biết ra những quyết định đúng, xoá bỏ những thói quen, tập tục, tập quán lạc hậu, có hại và hình thành được những hành vi sức khoẻ lành mạnh. Dự án thí điểm giáo dục vệ sinh do Hà Lan tài trợ chính là bước khởi đầu cho việc vận dụng phương pháp giáo dục kỹ năng sống trong giảng dạy vệ sinh ở trường tiểu học. Các tài liệu do dự án 2000-2001 xây dựng vẫn đang được sử dụng và phát triển ngày càng đa dạng, phong phú hơn.

4.1.2. Với số kinh phí hỗ trợ của dự án hạn hẹp (bình quân mỗi trường được hỗ trợ khoảng 10 triệu đồng) nhưng phần lớn các trường tham gia dự án đã xây dựng được công trình vệ sinh và hiện vẫn còn sử dụng tốt

Trong số 40 trường tham gia dự án 2000-2001 được khảo sát, 92,5% số trường có nhà tiêu hiện còn đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh về xây dựng (không kể phần tường và mái của nhà tiêu); 87,5% đang được vận hành đạt các tiêu chuẩn vệ sinh về sử dụng.

Việc hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh cho trường học đã tạo điều kiện cho việc hướng dẫn thực hành vệ sinh cho học sinh góp phần cho thành công của việc triển khai giáo dục theo phương pháp tiếp cận Kỹ năng sống.

4.1.3. Giáo dục vệ sinh và xây dựng CTVS tại trường học đã có tác động tích cực đối với học sinh, gia đình học sinh và cộng đồng

Cho dù dự án đã kết thúc cách đây trên dưới 3 năm rồi nhưng tác động tích cực của giáo dục vệ sinh vẫn còn nhận thấy tương đối rõ. Tỷ lệ nhà tiêu của các trường can thiệp hiện vẫn đang được sử dụng đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh cao hơn các trường chứng, đó là do học sinh biết cách sử dụng và có ý thức bảo quản nhà tiêu tốt hơn. Tỷ lệ học sinh có dội nước và rửa tay sau đại tiểu tiện ở các trường can thiệp cũng cao hơn các trường đối chứng... Điều này còn phần nào minh chứng cho tính bền vững của dự án.

Trong lúc triển khai, dự án đã huy động được sự tham gia tích cực của chính quyền, của các đoàn thể xã hội và của người dân ở các địa phương tham gia dự án bằng đóng góp thêm công sức và tiền của để xây dựng CTVS tại trường. Công trình vệ sinh tự hoại hoặc thấm dội nước được xây dựng ở trường tại thời điểm năm 2000-2001 như một mô hình mới mà không ít người dân ở vùng nông thôn còn chưa biết tới. Họ đã thăm quan, học hỏi để áp dụng xây dựng công trình vệ sinh gia đình.

Việc giáo dục vệ sinh qua tiếp cận phương pháp giáo dục kỹ năng sống và sử dụng các CTVS nước sạch trong trường học đã kích thích các em kể lại cho cha mẹ, anh chị em trong gia đình, bạn bè, làng xóm. Giáo dục vệ sinh ở trường học nhờ vậy mà tác động được tới gia đình các em và cộng đồng.

4.2. NHỮNG ĐIỂM CÒN HẠN CHẾ

- Thiếu thiết kế hoàn chỉnh, đồng bộ và chi tiết cho CTVS nước sạch (loại nhà tiêu, hố tiêu, khu vực rửa tay, loại hình cấp nước...) cho một số nhóm trường học có điều kiện tương tự nhau.

- Kinh phí hỗ trợ của dự án hạn chế, huy động sự đóng góp của cộng đồng khó khăn, đặc biệt là ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc ít người nên CTVS và nước sạch không hoàn chỉnh, đồng bộ. Nơi thì thiếu công trình cung cấp nước, nơi thì thiếu bơm hút nước, nơi thì thiếu bể chứa, nơi lại không có khu vực rửa tay...

- Số lượng học sinh ngày càng tăng, CTVS đã có nhỏ, đang bắt đầu xuống cấp, không đáp ứng đủ cho nhu cầu của học sinh.

- Rất ít trường hiện nay có nhà vệ sinh dành riêng cho giáo viên. Việc giáo viên và học sinh dùng chung nhà tiêu, hố tiêu như hiện tại là bất cập và gây khó khăn cho cả thầy cô giáo lẫn học sinh.

- Một số trường còn chưa có khu vực rửa tay, thiếu nước sạch ở khu vực rửa tay. Hầu hết các trường đều không có xà phòng cho học sinh rửa tay.

- Việc lấy nước dội nhà tiêu ở một số trường chưa tiện lợi cho học sinh lắm do van xả nước là van nhựa vận khá nặng đối với học sinh các lớp nhỏ.

- Rất ít trường học có bảng nội quy sử dụng nhà tiêu tại khu vệ sinh của trường.

- Có 38,5% nhà tiêu của các trường can thiệp và 27,3% của trường đối chứng không có cửa sổ hoặc lỗ thoáng trong nhà tiêu. Chính vì vậy nên còn có khoảng gần 50% nhà tiêu được điều tra không đủ ánh sáng. Thiếu cửa sổ/lỗ thoáng trong nhà tiêu ngoài

việc làm cho nhà tiêu không tận dụng được ánh sáng tự nhiên mà còn làm cho nhà tiêu không thông thoáng, làm cho trẻ ngại sử dụng nhà tiêu.

- Còn một lượng đáng kể học sinh chưa có thói quen dội xả nước sau đại tiểu tiện và rửa tay sau đại tiểu tiện.

- Đối với vùng núi, đa số học sinh là người dân tộc thiểu số, điều kiện kinh tế và trình độ nhận thức chưa cao, tác động của giáo dục vệ sinh trong nhà trường tới cộng đồng còn hạn chế.

4.3. NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ THÁCH THỨC

- Ngay trong nhận thức của không ít lãnh đạo địa phương, lãnh đạo trường học đặc biệt ở khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc ít người mới chỉ chú trọng đầu tư xây dựng trường lớp mà coi nhẹ công trình nước và vệ sinh trường học. Không ít trường mới được xây dựng rất khang trang nhưng lại không có công trình vệ sinh tương xứng.

- Đối với bậc tiểu học, ngoài điểm trường chính còn có nhiều điểm trường lẻ và hầu hết các điểm trường lẻ đều không có công trình nước và công trình vệ sinh, đặc biệt là ở khu vực miền núi, vùng khó khăn.

- Thói quen đại tiểu tiện và vệ sinh của học sinh thuộc đồng bào các dân tộc ít người ở miền núi, vùng sâu, vùng xa không dễ thay đổi trong một thời gian ngắn. Thêm vào đó là điều kiện kinh tế của gia đình họ rất khó khăn, chưa xây dựng được các CTVS hợp vệ sinh để sử dụng nên thói quen càng khó được xác lập.

5. KHUYẾN NGHỊ

5.1. ĐỐI VỚI UNICEF VÀ CÁC NHÀ TÀI TRỢ

- Khi xây dựng các dự án hỗ trợ xây dựng công trình nước, vệ sinh trong trường học thì nên bao gồm cả phần giáo dục vệ sinh như mô hình đang triển khai tại một số trường ở tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Nếu chỉ tài trợ cho xây dựng công trình vệ sinh thì nhất thiết phải có cả công trình nước sạch và phải được xây dựng cùng một lúc với nhà tiêu, hố tiêu. Đối với miền núi, vùng khó khăn nên hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng công trình cấp nước và CTVS cho các trường được hỗ trợ theo giá vật tư thực tế ở địa phương.

- Nên đầu tư hỗ trợ tập trung cho từng khu vực để tạo nên một phong trào thi đua và thuận lợi cho việc chỉ đạo, giám sát của địa phương.

- Khi tài trợ xây dựng trường học, nhất thiết phải bao gồm cả công trình nước và công trình vệ sinh đồng bộ.

5.2. ĐỐI VỚI BỘ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ CƠ QUAN QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

- Bộ giáo dục và đào tạo cần qui định bắt buộc áp dụng phương pháp giảng tích cực, rèn luyện kỹ năng trong giáo dục vệ sinh cho học sinh tiểu học. Để thực hiện được cần tăng cường tập huấn phương pháp giảng dạy cho giáo viên, cung cấp đủ tài liệu giáo dục VSMT, trang bị mô hình thực hành cho học sinh.

- Bộ giáo dục cần có quyết định yêu cầu bắt buộc các địa phương khi đầu tư xây dựng, cải tạo trường học phải bao gồm cả công trình nước và công trình vệ sinh hợp chuẩn, học sinh riêng và giáo viên riêng.

- Cần giao cho một viện nghiên cứu hoặc một cơ quan chuyên môn kỹ thuật xây dựng một số mô hình CTVS và cấp nước được thiết kế hoàn chỉnh, đồng bộ và chi tiết cho các phương án khác nhau (vùng có sẵn nước, vùng khan hiếm nước....).

- Cần có chính sách ưu tiên đầu tư xây dựng lớp học, công trình cấp nước và công trình vệ sinh cho các điểm trường lẻ.

- Tổ chức phối hợp tốt giữa Giáo dục, y tế và trung tâm nước sạch khảo sát, lựa chọn mô hình cấp nước và công trình vệ sinh trường học phù hợp với điều kiện thực tế của từng trường. Chọn vị trí xây dựng nhà tiêu, hố tiêu phù hợp, tách biệt nam nữ, chú trọng đến tính thân thiện, đảm bảo thuận lợi và an toàn đối với trẻ em. Giám sát thi công và nghiệm thu đúng theo thiết kế.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc duy trì và cải tạo công trình nước, CTVS. Hàng năm, ngành giáo dục phải phối hợp với ngành y tế kiểm tra về VSMT và nguồn nước ở tất cả các trường, đẩy mạnh phong trào xây dựng “trường chuẩn quốc gia” và “bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp”.

5.3. ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỌC

- Tổ chức sử dụng và bảo quản tốt công trình nước và vệ sinh hiện có. Thực hiện thật tốt việc dùng công trình nước và vệ sinh để hướng dẫn thực hành cho học sinh trong giáo dục vệ sinh trong nhà trường.

- Khu vực rửa tay và nước rửa tay là điều kiện hết sức quan trọng phục vụ cho giáo dục vệ sinh và hướng dẫn thực hành rửa tay cho học sinh. Bởi vậy, tất cả các trường cần phải xây dựng khu vực rửa tay và cung cấp đầy đủ nước sạch, xà phòng cho học sinh rửa tay.

- Rất ít trường học có bảng nội qui sử dụng nhà tiêu, hố tiêu tại khu vệ sinh của trường, cần phải bổ sung ngay như yêu cầu của đoàn đánh giá. Bản nội qui sử dụng nhà tiêu tuy đơn giản nhưng lại có tác dụng nhắc nhở học sinh phải thực hiện đúng mỗi khi sử dụng nhà tiêu, hố tiêu.

- Để tạo điều kiện cho học sinh thực hiện được hành vi dội nước sau khi đại, tiểu tiện, phải chọn, lắp van xả nước dội nhà tiêu nhẹ nhàng cho học sinh đóng mở dễ dàng (nếu sử dụng van đóng mở).

- Để 1-2 lỗ thoáng trên tường nhà tiêu (gần mái nhà tiêu) hoặc cắt hụt đi khoảng 20cm ở phía trên cánh cửa nhà tiêu để tạo sự thông thoáng và lấy ánh sáng tự nhiên cho nhà tiêu, cũng cần được thể hiện đầy đủ và rõ ràng trên bản vẽ thiết kế công trình vệ sinh trường học.

- Nhà trường cần phối kết hợp với các đoàn thể ở địa phương như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ... hàng tuần, hàng tháng làm tổng vệ sinh, lôi cuốn học sinh các trường cùng tham gia, cùng xây dựng phong trào VSMT, thu gom rác thải, bảo vệ nguồn nước, phát động phong trào ăn ở vệ sinh, sinh hoạt văn minh... giữ gìn trường học, trạm xá và những công trình phúc lợi công cộng xanh sạch đẹp.

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG CAN THIỆP VÀ TRƯỜNG CHỨNG

Các trường đã được hỗ trợ của Chính phủ Hà Lan (trường can thiệp)

Nhóm các trường thuộc khu vực miền núi phía Bắc:

- Tiểu học Bảo Nhai thuộc huyện Bắc Hà, Lào Cai
- Tiểu học Pu Nhi thuộc huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên
- Tiểu học Tân Việt thuộc huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng
- Tiểu học Xà Hồ, Tiểu học Bản Mù, THCS Trạm Tấu thuộc huyện Trạm Tấu; tiểu học Cát Thịnh, tiểu học Suối Giàng thuộc huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
- Tiểu học Xuân Quang và tiểu học Phú Bình 1 thuộc huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang
- Tiểu học Thượng Cốc, Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình

Nhóm các trường thuộc khu vực đồng bằng châu thổ sông Hồng:

- Tiểu học Mỹ Hưng, tiểu học Mỹ Tân, tiểu học Mỹ Hà, tiểu học Mỹ Phúc, tiểu học Mỹ Trung thuộc huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định
- TH Châu Sơn B, TH Thi Sơn, TH Liên Sơn, TH Khả Phong A, TH Khả Phong B, TH Thụy Lôi, TH Tân Sơn A, TH Tân Sơn B, TH Nguyễn Úy, TH Thượng Lĩnh, TH Lê Hồ A, TH Đồng Hóa, TH Nhật Tân, TH Kim Bình, TH Thanh Sơn A thuộc huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Nhóm các trường thuộc khu vực miền Trung:

- Tiểu học Bình Sơn và Tiểu học Thành Sơn thuộc huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
- Tiểu học Trám và Tiểu học Triệu An thuộc huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị
- Tiểu học Phú Diễn 2 và Tiểu học Phú Xuân 2 thuộc huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Tiểu học Hòa Sơn thuộc huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận

Nhóm các trường thuộc khu vực miền Đông Nam bộ:

- Tiểu học Bom Bo và tiểu học Đức Phong thuộc huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Các trường không có hỗ trợ của Chính phủ Hà Lan (trường đối chứng)

Nhóm các trường thuộc khu vực miền núi phía Bắc:

- Tiểu học Nậm Mòn thuộc huyện Bắc Hà, Lào Cai
- Tiểu học Mường Sang thuộc huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên
- Phổ thông cơ sở Thái Cường thuộc huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng
- Tiểu học Bản Lừu thuộc huyện Trạm Tấu; tiểu học Suối Bu thuộc huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
- Tiểu học Tân Thịnh thuộc huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang

- Tiểu học Vũ Lâm, Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình

Nhóm các trường thuộc khu vực đồng bằng châu thổ sông Hồng:

- Tiểu học Mỹ Thịnh thuộc huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định
- Tiểu học Ngọc Sơn thuộc huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Nhóm các trường thuộc khu vực miền Trung:

- Tiểu học Thọ Sơn thuộc huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
- Tiểu học Triệu Trạch 2 thuộc huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị
- Tiểu học Phú Diễn 1 thuộc huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Tiểu học Lương Sơn B thuộc huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận

Nhóm các trường thuộc khu vực miền Đông Nam bộ:

- Tiểu học Nghĩa Trung thuộc huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

PHỤ LỤC 2: NHỮNG THÀNH VIÊN CHÍNH THAM GIA THỰC HIỆN CUỘC ĐÁNH GIÁ

1. PGS.TS. Nguyễn Võ Kỳ Anh	Trung tâm nghiên cứu Môi trường và Sức khỏe
2. TS. Nguyễn Đức Hồng	Trung tâm nghiên cứu Môi trường và Sức khỏe
3. PGS.TS.Trịnh Hữu Vách	Trung tâm ứng dụng cấp nước và VSMT
4. TS.Trịnh Hòa Bình	Viện Xã hội học
5. CN. Trần Tú Hoa	Viện Xã hội học
6. ThS. Phạm Văn Học	Trung tâm Xã hội học, Học viện CTQG Hồ Chí Minh
7. ThS. Ngô Thị Nhu	Trung tâm ứng dụng cấp nước và VSMT
8. BS. Nguyễn Trọng Mãi	Trung tâm nghiên cứu Môi trường và Sức khỏe
9. BS. Phan Văn Lệ	Trung tâm nghiên cứu Môi trường và Sức khỏe
10. CN. Trần Thị Thắm	Trung tâm nghiên cứu Môi trường và Sức khỏe
11. CN. Lương Anh Bình	Trung tâm nghiên cứu Môi trường và Sức khỏe
12. CN. Nguyễn Thị Lan	Trung tâm nghiên cứu Môi trường và Sức khỏe

PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA

Q1

BẢNG THU THẬP THÔNG TIN VÀ KIỂM VỆ SINH TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC/TRUNG HỌC CƠ SỞ

STT	Thông tin	Trả lời
A. Thông tin chung về trường học		
A1.	Tỉnh:.....Mã tỉnh:	<input type="text"/> <input type="text"/>
A2.	Huyện:.....Mã huyện:	<input type="text"/> <input type="text"/>
A3.	Tên trường:.....Mã:	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>
A4.	Trường (chính) được xây dựng năm nào?	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>
A5.	Có khu nhà ở dành riêng cho giáo viên trong trường không?	1. Có 2. Không
A6.	Trường (chính) có bao nhiêu giáo viên?	<input type="text"/> <input type="text"/>
A7.	Tổng số học sinh của trường (chính)?	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>
A8.	Số học sinh nam của trường (chính): Số học sinh nữ của trường (chính):	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>
B. Nguồn cung cấp nước tại trường điều tra		
B1.	Nhà trường có nguồn nước cho học sinh sử dụng không?	1. Có → <i>chuyển đến B3</i> 2. Không
B2.	Nếu trường không có nguồn nước thì nước đang dùng tại trường lấy từ đâu?	1. Nhà dân 3. Nguồn cộng đồng 3. Sông suối, ao hồ 4. Khác (ghi rõ).....
B3.	Nếu có, đó là nguồn nước nào? (Kết hợp quan sát)	1. Nước máy 2. Nước giếng khoan 3. Nước giếng đào 4. Nước mưa 5. Nước suối đầu nguồn 6. Sông, suối (không đầu nguồn), ao, hồ 7. Khác (ghi rõ).....
B4.	Nguồn nước này đã bao giờ được xét nghiệm chưa?	1. Rồi (ghi rõ kết luận)..... 2. Chưa
B5.	Chất lượng nguồn nước theo cảm quang?	1. Đảm bảo vệ sinh (<i>không màu, không mùi, vị</i>) 2. Không đảm bảo vệ sinh
B6.	Nguồn tài trợ xây dựng công trình cấp nước hiện đang sử dụng?	1. Tài trợ bởi Hà Lan 2. Nguồn khác (ghi rõ).....
B7.	Công trình cung cấp nước có đạt tiêu chuẩn an toàn và thân thiện với trẻ không? (Quan sát)	1. Có (<i>Không rêu tron, giếng nước có nắp đậy an toàn, dụng cụ lấy nước tiện lợi...</i>) 2. Không

B8.	Đánh giá chung về chất lượng công trình cung cấp nước (Quan sát)	1. Rất tốt (tất cả các bộ phận của hệ thống nước đều hoạt động tốt: 100%) 2. Tốt (hệ thống nước hoạt động nhưng một số vòi nước bị rò rỉ: 75%) 3. Sử dụng được (một số bộ phận không sử dụng được: 50%) 4. Kém (hầu hết các vòi nước không hoạt động: 25%) 5. Xuống cấp trầm trọng (tất cả các bộ phận hư hỏng và không sử dụng được)
Nước uống		
B9.	Nhà trường có cung cấp nước uống cho học sinh không?	1. Có 2. Không → chuyển đến B13
B10.	Loại dụng cụ chứa nước uống:	1. Có vòi 2. Không có vòi
B11.	Dụng cụ chứa nước uống có nắp đậy:	1. Có 2. Không
B12.	Dụng cụ uống nước (cốc, chén...):	1. Có tay cầm 2. Không có tay cầm 3. Không có dụng cụ uống nước
Nước rửa tay		
B13.	Có khu vực rửa tay không?	1. Có 2. Không → chuyển đến B22
B14.	Khoảng cách từ nhà tiêu đến chỗ rửa tay: m
B15.	Vị trí đặt nơi rửa tay thuận tiện?	1. Có 2. Không
B16.	Có nước ở khu vực rửa tay không?	1. Có 2. Không → chuyển đến B22
B17.	Có bể chứa nước rửa tay không?	1. Có 2. Không → chuyển đến B19
B18.	Mức nước trong bể:	1. Đầy bể 2. Trên nửa bể 3. Dưới nửa bể 4. Không có nước
B19.	Dụng cụ lấy nước rửa tay:	1. Vòi nước máy 2. Thùng chứa nước 3. Gầu, gáo múc nước 4. Khác (ghi rõ).....
B20.	Có xà phòng rửa tay không?	1. Có 2. Không
B21.	Nước thải sau rửa tay có được thoát đi không?	1. Có 2. Không
Nước dội/xả sau lỗ tiêu		
B22.	Có nước dội/xả lỗ tiêu không?	1. Có 2. Không → chuyển đến C1
B23.	Nơi lấy nước dội sau mỗi lần đại tiện có thuận tiện cho trẻ không?	1. Gần nơi đại tiện 2. Vừa tầm mức nước của trẻ 3. Van vặn nước xả nhẹ nhàng 4. Không thuận tiện
C. Nhà tiêu		
C1.	Hiện tại, trường anh/chị có nhà tiêu không? (Kết hợp quan sát)	1. Có → chuyển đến C6 2. Không

C2.	Nếu không, trước đây đã bao giờ có nhà tiêu chưa?	1. Có 2. Không → <i>chuyển đến D1</i>
C3.	Năm nó được xây dựng?	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>
C4.	Nguồn tài trợ để xây dựng nhà tiêu đó:	1. Tài trợ bởi Hà Lan 2. Nguồn khác (ghi rõ).....
C5.	Tại sao bây giờ nhà tiêu đó lại không còn nữa?	1. Trường di chuyển đến vị trí khác 2. Chỗ đất xây nhà tiêu bị thu hồi 3. Hỏng, đã đập đi 4. Khác (ghi rõ).....
C6.	Nguồn tài trợ để xây dựng nhà tiêu hiện đang tồn tại:	1. Tài trợ bởi Hà Lan 2. Nguồn khác (ghi rõ).....
C7.	Năm nhà tiêu được xây dựng	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>
C8.	Bao lâu thì quét dọn nhà tiêu một lần?	1. Hai lần/ ngày 2. Hàng ngày 3. Hai lần mỗi tuần 4. Hàng tuần 5. Hàng tháng
C9.	Ai chịu trách nhiệm quét dọn nhà tiêu?	1. Lao công/nhân viên khác 2. Giáo viên 3. Học sinh được phân công
<i>Phần kiểm dành cho khu vệ sinh (ưu tiên khu vệ sinh do Hà Lan hoặc tổ chức quốc tế khác tài trợ):</i>		
C10.	Hiện đang được sử dụng (kết hợp quan sát):	1. Có → <i>chuyển C12</i> 2. Không
C11.	Lý do không sử dụng? (<i>ghi rõ vào ô bên</i>)
C12.	Đường đến khu vệ sinh:	1. Dễ đi, an toàn 2. Khó đi, không an toàn
C13.	Có bảng nội quy sử dụng tại khu vệ sinh:	1. Có 2. Không
C14.	Có ghi trên tường nhà vệ sinh phân biệt khu vực nam và nữ không?	1. Có 2. Không
C15.	Số bệ xí: - Dùng chung cho cả nam và nữ - Riêng cho HS nam: - Riêng cho HS nữ:	<input type="text"/> <input type="text"/> → Tỷ lệ HS/1 bệ xí <input type="text"/> <input type="text"/> → Tỷ lệ HS/1 bệ xí <input type="text"/> <input type="text"/> → Tỷ lệ HS/1 bệ xí
C16.	Loại nhà tiêu:	1. Tự hoại 2. Thấm dội nước → <i>chuyển đến C19</i> 3. Hai ngăn → <i>chuyển đến C25</i> 4. Đào cải tiến → <i>chuyển đến C29</i> 5. Một ngăn → <i>chuyển đến C33</i> 6. Cầu thùng, nhà tro, đào kiểu cũ... → <i>chuyển đến C33</i>
C17.	Chất lượng nhà tiêu tự hoại (Kết hợp cả quan sát)	1. Bể xử lý gồm có 3 ngăn 2. Bể chứa phân không bị lún sụt 3. Nắp bể chứa phân được trát kín, không rạn nứt 4. Mặt sàn nhà tiêu nhẵn, phẳng, không đọng nước 5. Bệ xí có nút nước 6. Có ống thông hơi cho bể chứa

C18.	Đánh giá chất lượng nhà tiêu tự hoại của ĐTV	1. Đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh 2. Không đảm bảo Kết thúc câu này chuyển đến câu C23
C19.	Chất lượng nhà tiêu thấm dội nước (<i>Kết hợp cả quan sát</i>)	1. Cách nguồn nước ăn, uống, sinh hoạt từ 10m trở lên. 2. Bể chứa phân không bị lún sụt, thành bể cao hơn mặt đất ít nhất 20cm 3. Nắp bể chứa phân được trát kín, không rạn nứt 4. Mặt sàn nhà tiêu nhẵn, phẳng, không đọng nước 5. Bệ xí có nút nước 6. Nước từ bể chứa phân, đường dẫn phân không thấm và tràn ra mặt đất 7. Không xây dựng ở vùng thấp, ngập nước hoặc không thấm được nước
C20.	Đánh giá chất lượng nhà tiêu thấm dội nước của ĐTV	1. Đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh 2. Không đảm bảo
C21.	Tình trạng bảo quản và sử dụng nhà tiêu tự hoại và thấm dội nước như thế nào (<i>Kết hợp cả quan sát</i>)	1. Có đủ nước dội, dụng cụ chứa nước dội không có bọt gây 2. Không có mùi hôi thối 3. Nước của bể xử lý chảy vào cống hoặc tự thấm, không chảy tự do ra xung quanh 4. Nền nhà tiêu sạch, không có rêu trơn, giấy, rác 5. Không có ruồi hoặc côn trùng trong nhà tiêu 6. Bệ xí sạch, không dính đọng phân 7. Được che chắn kín, ngăn được nước mưa 8. Giấy vệ sinh bỏ vào lỗ tiêu (nếu là giấy tự tiêu) hoặc bỏ vào dụng cụ chứa giấy bẩn có nắp đậy.
C22.	Đánh giá chất lượng về tình trạng sử dụng nhà tiêu tự hoại, nhà tiêu thấm dội nước của ĐTV	1. Đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh 2. Không đảm bảo
C23.	Có lấy phân ở bể chứa ra để bón cho cây trồng không?	1. Có 2. Không
C24.	Khi bể chứa bị đầy thì làm thế nào?	1. Thuê xe hút phân chuyên dụng 2. Dân đến múc ra bón ruộng 3. Chưa bao giờ bị đầy 4. Khác (ghi rõ)..... Kết thúc câu này chuyển đến câu C33
C25.	Chất lượng nhà tiêu hai ngăn? (<i>Kết hợp cả quan sát</i>)	1. Tường ngăn chứa phân kín, không bị rò rỉ, thấm nước 2. Cửa lấy mùn phân được trát kín bằng vật liệu không thấm nước 3. Mặt sàn, máng và rãnh dẫn nước tiểu nhẵn, không đọng nước tiểu 4. Có nắp đậy kín cả hai lỗ tiêu 5. Nhà tiêu được che chắn kín đáo, ngăn được nước mưa 6. Ống thông hơi (đối với nhà tiêu hai ngăn có ống thông hơi) có Φ 9 cm, cao hơn mái nhà tiêu 40cm và có lưới chắn ruồi. 7. Khác (ghi rõ).....
C26.	Đánh giá chất lượng nhà tiêu hai ngăn của ĐTV	1. Đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh 2. Không đảm bảo

C27.	Tình trạng sử dụng nhà tiêu hai ngăn như thế nào? <i>(Kết hợp cả quan sát)</i>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Sàn nhà tiêu sạch không có giấy, rác 2. Giấy bẩn bỏ vào lỗ tiêu hoặc cho vào dụng cụ chứa có nắp đậy 3. Không có mùi hôi thối 4. Không có ruồi, nhặng hoặc côn trùng trong nhà tiêu 5. Không sử dụng đồng thời hai ngăn 6. Có đủ chất độn và thường xuyên đổ chất độn sau mỗi lần đại tiện 7. Không có bộ gậy trong dụng cụ chứa nước (nếu có) và dụng cụ chứa nước tiểu 8. Không lấy phân trong ngăn ủ trước 6 tháng 9. Lỗ tiêu ngăn đang sử dụng luôn được đậy kín, ngăn ủ được trát kín 10. Khác (ghi rõ).....
C28.	Đánh giá về tình trạng sử dụng nhà tiêu hai ngăn của ĐTV	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh 2. Không đảm bảo Kết thúc câu này chuyển đến câu C33
C29.	Chất lượng nhà tiêu đào cải tiến? <i>(Kết hợp cả quan sát)</i>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Không nằm ở nơi thường bị ngập úng 2. Cách nguồn nước ăn uống sinh hoạt từ 10m trở lên 3. Mặt sàn, máng, rãnh dẫn nước tiểu nhẵn, không đọng nước tiểu 4. Miệng hố phân cao hơn mặt đất xung quanh ít nhất 20 cm 5. Có nắp đậy lỗ tiêu 6. Nhà tiêu được che chắn kín đáo, ngăn được nước mưa 7. Ống thông hơi có Φ ít nhất 9 cm, cao hơn mái nhà tiêu ít nhất 40cm và có lưới chắn ruồi. 8. Khác (ghi rõ).....
C30.	Đánh giá chất lượng nhà tiêu đào cải tiến của ĐTV	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh 2. Không đảm bảo
C31.	Tình trạng sử dụng nhà tiêu đào cải tiến như thế nào? <i>(Kết hợp cả quan sát)</i>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Sàn nhà tiêu sạch không có giấy, rác 2. Giấy bẩn bỏ vào lỗ tiêu 3. Có đủ chất độn và thường xuyên đổ chất độn sau mỗi lần đại tiện 4. Lỗ tiêu thường xuyên được đậy kín 5. Không có mùi hôi thối 6. Không có ruồi hoặc côn trùng trong NT 7. Không có bộ gậy trong dụng cụ chứa nước tiểu 8. Khác (ghi rõ).....
C32.	Đánh giá về tình trạng sử dụng nhà tiêu đào cải tiến của ĐTV	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh 2. Không đảm bảo
C33.	Có đèn điện trong nhà tiêu:	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có 2. Không → chuyển đến C35
C34.	Đèn điện hoạt động:	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có 2. Không
C35.	Có cửa sổ/ô thoáng trong nhà tiêu:	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có 2. Không

C36.	Nhà tiêu đủ ánh sáng:	1. Đủ 2. Không đủ						
C37.	Kích thước chỗ đặt chân có phù hợp với học sinh không?	1. Có 2. Không						
C38.	Kích thước của lỗ tiêu	1. Phù hợp 2. Quá to 3. Quá nhỏ						
C39.	Bậc lên xuống ở khu vệ sinh:	1. Có 2. Không có → chuyển đến câu C41 3. Không cần → chuyển đến câu C41						
C40.	Độ cao bậc lên xuống	1. Phù hợp với HS 2. Không phù hợp						
C41.	Có nơi tiểu tiện riêng không?	1. Có 2. Không → chuyển đến câu D1						
C42.	Nếu có, thì có khu tiểu tiện riêng biệt cho nam và cho nữ?	1. Có 2. Không						
C43.	Số chỗ tiểu tiện: - Loại dùng chung cho cả nam và nữ: - Loại riêng cho HS nam: - Loại riêng cho HS nữ:	<table border="1"><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table> → Tỷ lệ HS/1 chỗ tiểu → Tỷ lệ HS/1 chỗ tiểu → Tỷ lệ HS/1 chỗ tiểu						
C44.	Tường chỗ đi tiêu được ốp gạch men:	1. Có 2. Không						
C45.	Nền chỗ đi tiêu được lát gạch men:	1. Có 2. Không						
D. QUAN SÁT THỰC HÀNH VỆ SINH CỦA HỌC SINH TẠI THỜI ĐIỂM ĐIỀU TRA								
D1.	Tỷ lệ học sinh đi tiểu tiện trong khu vệ sinh (<i>số học sinh đi tiểu chia cho số học sinh hiện có mặt ở trường tại thời điểm quan sát</i>) :	1. Tỷ lệ.....(...../.....học sinh) 2. Không học sinh nào → chuyển D6						
D2.	Đội nước sau khi đi tiểu tiện (trong số đi tiểu):	1. Tất cả học sinh 2. Một số học sinh 3. Không học sinh nào 4. Không có nước						
D3.	Rửa tay sau khi tiểu tiện (trong số đi tiểu tiện):	1. Tất cả học sinh 2. Một số học sinh 3. Không học sinh nào→ chuyển đến D6 4. Không có nước→ chuyển đến D6						
D4.	Rửa tay bằng xà phòng sau tiểu tiện (trong số những trẻ có rửa tay):	1. Tất cả học sinh 2. Một số học sinh 3. Không học sinh nào→ chuyển đến D6						
D5.	Số học sinh có cách rửa tay đúng (<i>làm ướt và xoa xà phòng vào lòng và mu bàn tay, sát 2 lòng bàn tay với nhau rồi dùng lòng bàn tay này sát lên mu bàn tay kia vài ba lần, dùng ngón và bàn của tay này xoay và cuốn quanh lần lượt từng ngón, đặc biệt là đầu móng tay, cuối cùng là rửa sạch tay dưới vòi nước chảy</i>)	1. Tất cả học sinh 2. Một số học sinh 3. Không học sinh nào rửa tay đúng cách						

D6.	Tỷ lệ học sinh đi đại tiện trong khu vệ sinh (<i>số học sinh đi đại tiện chia cho số học sinh hiện có mặt ở trường tại thời điểm quan sát</i>) :	1. Tỷ lệ.....(...../.....học sinh) 2. Không học sinh nào → chuyển D13
D7.	Đối với nhà tiêu dội nước, dội nước sau khi đại tiện (trong số đi đại tiện):	1. Tất cả học sinh 2. Một số học sinh 3. Không học sinh nào 4. Không có nước Hết câu này chuyển đến câu D10
D8.	Đối với nhà tiêu khô, đổ chất độn sau đại tiện (trong số đi đại tiện):	1. Tất cả học sinh 2. Một số học sinh 3. Không học sinh nào 4. Không có chất độn
D9.	Đối với nhà tiêu khô, đập nắp lỗ tiêu sau khi đại tiện (trong số đi đại tiện):	1. Tất cả học sinh 2. Một số học sinh 3. Không học sinh nào 4. Không có nắp đập lỗ tiêu
D10.	Rửa tay sau khi đại tiện (trong số đi đại tiện):	1. Tất cả học sinh 2. Một số học sinh 3. Không học sinh nào → chuyển đến D13 4. Không có nước → chuyển đến D13
D11.	Rửa tay bằng xà phòng sau đại tiện (trong số những trẻ có rửa tay):	1. Tất cả học sinh 2. Một số học sinh 3. Không học sinh nào
D12.	Số học sinh có cách rửa tay đúng (<i>làm ướt và xoa xà phòng vào lòng và mu bàn tay, sát 2 lòng bàn tay với nhau rồi dùng lòng bàn tay này sát lên mu bàn tay kia vài ba lần, dùng ngón và bàn của tay này xoay và cuốn quanh lần lượt từng ngón, đặc biệt là đầu móng tay, cuối cùng là rửa sạch tay dưới vòi nước chảy</i>)	1. Tất cả học sinh 2. Một số học sinh 3. Không học sinh nào rửa tay đúng cách
D13.	Uống nước lã:	1. Có 2. Không
E. VỆ SINH NGOẠI CẢNH CỦA TRƯỜNG		
E1.	Tình trạng vệ sinh sân trường:	1. Sạch 2. Bình thường 3. Bẩn
E2.	Tình trạng vệ sinh lớp học:	1. Sạch 2. Bình thường 3. Bẩn
E3.	Có thùng đựng rác:	1. Có ở tất cả các lớp học 2. Có ở 1 số lớp học 3. Có một vài thùng rác 4. Không có
E4.	Có khu vực đổ rác/đốt rác riêng:	1. Có 2. Không
E5.	Khu vực đổ rác/đốt rác được rào ngăn không cho trẻ vào trong:	1. Có 2. Không
E6.	Xử lý rác thải:	1. Đốt 2. Chôn 3. Chuyển đến nơi khác 4. Không xử lý

NHẬN XÉT CHUNG CỦA ĐIỀU TRA VIÊN

- Địa điểm khu vệ sinh:
- Thiết kế và xây dựng:
- Công tác bảo quản:
- Vấn đề sử dụng:
- Nhận xét về tính an toàn và thân thiện đối với trẻ em:
- Nội quy sử dụng công trình vệ sinh:

Điều tra viên
(Ký tên)

Giám sát viên
(Ký tên)

KHUNG HƯỚNG DẪN THẢO LUẬN NHÓM HỌC SINH

- Thời gian tiến hành cuộc thảo luận:.....
- Người hướng dẫn:.....
- Thành phần tham gia cuộc thảo luận nhóm
 - 1.....
 - 2.....
 -

#	Vấn đề	Câu hỏi	Gợi ý
1	Giáo dục sức khỏe trong nhà trường	- Em hãy kể cách thầy/cô dạy môn “Tìm hiểu tự nhiên và xã hội/ nội dung giáo dục sức khỏe”?	- Như các môn khác, thầy nói trò nghe - Như 1 trò chơi, đóng vai chẳng hạn - Có giờ ngoại khóa - Thầy/cô đặt câu hỏi, học sinh trả lời
		- Em thích cách dạy nào?	
		- Ai/thầy cô giáo dạy các em cách sử dụng nước, nhà tiêu và các thiết bị rửa tay ở nơi nào? (kể chi tiết)	- Tại công trình nước của trường - Các thiết bị rửa tay ở trường - Nhà tiêu ở trường - Tại lớp
2	Hiện trạng công trình nước	- Đánh giá của các em về hiện trạng công trình nước đang được sử dụng ở nhà trường	- Có hay không - Có đủ không - Có tự lấy được nước hay không - Nước dội rửa nhà vệ sinh thế nào (bẩn/sạch...)
3	Hiện trạng công trình vệ sinh	- Đánh giá của các em về hiện trạng công trình vệ sinh đang được sử dụng ở nhà trường - Tính tiện lợi	- Có được sử dụng hay không - Bẩn hay sạch - Dễ hay khó sử dụng - Có đủ chỗ đi tiểu tiện/đại tiện không - Có ngại ngần gì không
4	Thực hành vệ sinh	- Chúng ta phải làm gì để giữ gìn vệ sinh và phòng bệnh (đau bụng đi ngoài, đau mắt, ngứa ghẻ...)	- Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh - Sử dụng nước sạch và nhà tiêu đúng cách - Ăn chín uống sôi - Không vứt rác bừa bãi - Đi vệ sinh đúng nơi qui định -
		- Sử dụng và bảo quản công trình nước	- Các em sử dụng nước như thế nào + Sử dụng nước tiết kiệm + Không gây bẩn nguồn nước - Các em bảo quản công trình nước như thế nào + Không làm hỏng vòi, cần bơm nước + Nhắc nhở bạn bè bảo vệ và giữ gìn nguồn nước

#	Vấn đề	Câu hỏi	Gợi ý
		<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng và bảo quản công trình vệ sinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Các em sử dụng nhà vệ sinh như thế nào <ul style="list-style-type: none"> + Đại tiện đúng chỗ + Tiểu tiện đúng nơi + Dội nước/chất độn sau khi đại tiện + Vứt giấy vào nơi qui định + Nhắc nhở bạn bè giữ CTVS sạch sẽ - Các em bảo quản nhà vệ sinh như thế nào <ul style="list-style-type: none"> + Không viết vẽ bậy + Không làm hỏng cánh cửa + Nhắc nhở bạn bè giữ gìn CTVS
5	Tác động đến gia đình và cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Các em đưa những điều đã học ở trường vào trong sinh hoạt hàng ngày ở nhà như thế nào? - Các em đem những điều học được ở trường nói /nhắc nhở bố mẹ và những người xung quanh 	<ul style="list-style-type: none"> - Không đại tiện bừa bãi - Không ăn rau sống chưa rửa sạch - Không uống nước chưa đun sôi - Không để ruồi đậu vào thức ăn - Diệt ruồi, muỗi, ... - Rửa tay trước khi ăn - Rửa tay sau khi đại tiện - Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn - Rửa tay bằng xà phòng sau khi đại tiểu tiện - Cắt móng tay - Giữ gìn vệ sinh sạch sẽ - - Không sử dụng phân người tươi để bón ruộng - Không ăn rau sống chưa được rửa sạch - Không uống nước chưa đun sôi - Không để ruồi đậu vào thức ăn - Xây dựng, cải tạo hố xí hợp vệ sinh - Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn - Rửa tay bằng xà phòng sau khi đại tiểu tiện - Uống thuốc tẩy giun -
6	Mong muốn của các em	<ul style="list-style-type: none"> - Về công trình nước và vệ sinh - Về giáo dục vệ sinh 	

KHUNG HƯỚNG DẪN THẢO LUẬN NHÓM GIÁO VIÊN

- Thời gian tiến hành cuộc thảo luận:.....
- Người hướng dẫn:.....
- Thành phần tham gia cuộc thảo luận nhóm:.....

STT	Vấn đề	Câu hỏi
1	<i>Công tác đào tạo, giáo dục và truyền thông</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường đã TTGD những gì để nâng cao nhận thức của HS về vấn đề NS & VSMT - Tác động của công trình VS, nguồn NS tại các trường đối với gia đình của HS nói riêng và cộng đồng nói chung? - Các biện pháp để nâng cao ý thức sử dụng và bảo vệ các công trình VS của học sinh? - Sự quan tâm của chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể và hội phụ huynh đến việc giáo dục VS, BVMT và nguồn nước?
2	<i>Thực trạng của các công trình vệ sinh, nước sạch và thực hành vệ sinh môi trường</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng của các công trình VS (công trình nước, nhà tiêu, hố tiêu) tại trường? (Duy trì, bảo quản ...có phù hợp với điều kiện của địa phương không?) - Các điều kiện cho thực hành vệ sinh của học sinh (nguồn nước, xà phòng rửa tay...) - Việc sử dụng nhà tiêu, nhà tiêu và thực hiện các hành vi vệ sinh, đặc biệt là rửa tay của học sinh
3	<i>Phương pháp giáo dục vệ sinh cho học sinh</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Những phương pháp được sử dụng để truyền đạt các kiến thức về vệ sinh cho học <p><i>Riêng các trường ở Hà Nam và Nam Định</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Những điểm tâm đặc nhất khi tham dự các lớp tập huấn tiếp cận phương pháp giáo dục kỹ năng sống năm 2000-2001? - Kết quả áp dụng phương pháp này trong giáo dục sức khỏe cho HS? - Phương pháp giáo dục kỹ năng sống năm 2000-2001 bây giờ còn được sử dụng để giảng dạy môn giáo dục sức khỏe hay không? kỹ năng nào trong số những kỹ năng được tập huấn hồi năm 2000-2001 vẫn được sử dụng?
4	<i>Những thuận lợi và khó khăn</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuận lợi và khó khăn trong quá trình sử dụng, bảo quản, duy trì hoạt động cung cấp nước và công trình VS ở trường? - Thuận lợi và khó khăn trong hướng dẫn HS thực hiện đúng nội quy sử dụng và bảo quản công trình VS và nguồn nước cũng như thực hành các hành vi VS cá nhân (đội nước và rửa tay sau khi đi VS...)?
5	<i>Kiến nghị để nâng cao hiệu quả của giáo dục vệ sinh:</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến nghị, đề xuất đến các cấp lãnh đạo địa phương, các ban ngành đoàn thể - Kiến nghị đối với Phòng, Sở, Bộ Giáo dục và Đào tạo

KHUNG PHỎNG VẤN SÂU LÃNH ĐẠO TRƯỜNG HỌC

- Tên người được phỏng vấn:.....
- Tuổi:.....Giới tính:.....Chức vụ:.....
- Địa chỉ:.....
- Thời gian phỏng vấn:.....
- Người thực hiện phỏng vấn:.....

NỘI DUNG PHỎNG VẤN

TT	Câu hỏi	Trả lời
1	<p>Các hoạt động giáo dục về VSMT, nước sạch, phòng chống bệnh tật ở nhà trường được thực hiện như thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tần xuất - Nội dung - Phương pháp - Người phụ trách/giảng dạy - 	
2	<p>Tham gia vào Dự án “Giáo dục Vệ sinh cá nhân và Vệ sinh trường học (SSHE)” do Hà Lan tài trợ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường của anh/chị có tham gia không? - Nếu có thì đã làm những gì? Kết quả của các hoạt động đó? - Hiện nay còn lưu lại được cái gì hay hoạt động nào không? cụ thể 	
3	<p>Tham gia vào các Dự án về giáo dục vệ sinh do UNICEF tài trợ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án gì? - Đã và đang làm những gì? Kết quả của các hoạt động đó? - Những điểm cần điều chỉnh cho dự án có hiệu quả hơn? 	

4	<p>Thuận lợi và khó khăn tác động đến việc giáo dục và thực hành vệ sinh môi trường, nước sạch, phòng chống bệnh tật tại nhà trường?</p> <p>- Thuận lợi (Chỉ đạo, đầu tư, cộng đồng...)</p> <p>- Khó khăn (điều kiện địa phương, kinh phí,...)</p>	
5	Giáo viên đã phối hợp giữa truyền tải kiến thức với phát triển/thực hành các kỹ năng ở trường như thế nào?	
6	Thực hiện các hành vi VSMT, vệ sinh cá nhân của HS tại trường?	
7	Làm sao để có thể biết trẻ em có thực hiện các hành vi vệ sinh tại gia đình và cộng đồng?	
8	Những bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai công tác VSMT và nước sạch ở nhà trường?	
7	Kiến nghị để hoạt động VSMT và nước sạch có hiệu quả hơn?	

Người phỏng vấn
(ký, ghi rõ họ tên)

KHUNG PHÒNG VẤN SÂU CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC HUYỆN, TỈNH

- Tên đối tượng được phỏng vấn:.....
- Tuổi:.....Giới tính:.....Chức vụ chuyên môn:.....
- Địa chỉ:.....
- Thời gian phỏng vấn:.....
- Người thực hiện phỏng vấn:.....

NỘI DUNG PHÒNG VẤN

TT	Câu hỏi	Trả lời
1	Các hoạt động giáo dục về VSMT, nước sạch, phòng chống bệnh tật ở nhà trường được thực hiện NTN?	
2	Thuận lợi và khó khăn tác động đến việc giáo dục và thực hành vệ sinh môi trường, nước sạch, phòng chống bệnh tật tại nhà trường?	
3	Giáo viên cần phối hợp giữa truyền tải kiến thức với phát triển/thực hành các kỹ năng ở trường như thế nào?	
4	Tham gia vào Dự án “Giáo dục Vệ sinh cá nhân và Vệ sinh trường học (SSHE)” do Hà Lan tài trợ? - Những nội dung đã làm những gì? Kết quả của các hoạt động đó? - Hiện nay còn lưu lại được cái gì hay hoạt động nào không? cụ thể	
5	Tham gia vào các Dự án về giáo dục vệ sinh do UNICEF tài trợ? - Dự án gì? - Đã và đang làm những gì? Kết quả của các hoạt động đó? - Những điểm cần điều chỉnh cho dự án có hiệu quả hơn?	
6	Những bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai công tác VSMT và nước sạch ở nhà trường?	
7	Chủ trương chính sách triển khai công tác giáo dục sức khỏe trong nhà trường của địa phương trong thời gian tới? (dự báo-xu hướng-thành tựu)	

Người phỏng vấn
(ký, ghi rõ họ tên)

KHUNG PHÒNG VẤN LÃNH ĐẠO PHÒNG, SỞ GIÁO DỤC

- Tên đối tượng được phỏng vấn:.....
- Tuổi:.....Giới tính:.....Chức vụ chuyên môn:.....
- Địa chỉ:.....
- Thời gian phỏng vấn:.....
- Người thực hiện phỏng vấn:.....

NỘI DUNG PHÒNG VẤN

Câu hỏi	Trả lời
<p>1. <i>Đánh giá về công tác đào tạo, giáo dục và truyền thông</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản chỉ đạo đưa giáo dục VSMT vào giảng dạy ở các trường tiểu học? - Chương trình giảng dạy? giáo trình, tài liệu? - Các nguồn tài trợ cho công tác giáo dục tại nhà trường? - Lợi ích của các CTVS và cung cấp NS ở trường học trong việc dạy học và việc BVMT? - Phối hợp liên ngành trong giáo dục VSMT cho HS tiểu học? - Nhận định chung về nhận thức của HS tiểu học về vệ sinh cá nhân, VSMT? 	
<p>2. <i>Công trình vệ sinh, nước sạch và thực hành vệ sinh môi trường ở các trường tiểu học</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Số CTVS và NS đã đầu tư xây dựng ở các trường tiểu học? - Các nguồn tài trợ cho xây dựng các CTVS và NS? Tổ chức nào có phương thức hỗ trợ hiệu quả nhất? - Chất lượng của các CTVS tại các trường? - Thực trạng duy trì, bảo quản các CTVS đã xây dựng ở các trường? Có phù hợp với điều kiện của các địa phương không? - Tình trạng VS và cảnh quan trường học: sân chơi, cây trồng, bóng râm....? - Việc thu gom và xử lý rác trong các trường 	

học ở vùng nông thôn?	
<p>3. Những thuận lợi và khó khăn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuận lợi và khó khăn trong quá trình sử dụng, bảo quản, duy trì hoạt động cung cấp nước và CTVS ở các trường vùng nông thôn? - Thuận lợi và khó khăn trong việc hướng dẫn HS thực hiện đúng nội quy sử dụng và bảo quản CTVS và nguồn nước cũng như thực hành các hành vi VS cá nhân (dội nước và rửa tay... sau khi đi VS)? 	
<p>4. Những bài học kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong triển khai thực hiện Dự án “Giáo dục Vệ sinh cá nhân và Vệ sinh trường học (SSHE)” do Hà Lan tài trợ? - Trong triển khai thực hiện các Dự án giáo dục vệ sinh trong trường học do UNICEF tài trợ? 	
<p>5. Chiến lược giáo dục và đầu tư xây dựng các công trình vệ sinh tại các trường tiểu học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiến lược giáo dục? - Kế hoạch đầu tư? - Giải pháp để đạt được mục tiêu quốc gia (75% có công trình NS và VSMT trong các nhà trường)? 	

Người phỏng vấn
(ký, ghi rõ họ tên)

KHUNG PHỎNG VẤN CÁN BỘ CẤP TRUNG ƯƠNG

(Vụ công tác chính trị và HSSV, Vụ tiểu học)

- Tên đối tượng được phỏng vấn:.....
- Tuổi:.....Giới tính:.....Chức vụ chuyên môn:.....
- Địa chỉ:.....
- Thời gian phỏng vấn:.....
- Người thực hiện phỏng vấn:.....

NỘI DUNG PHỎNG VẤN

Câu hỏi	Trả lời
<p>1. <i>Đánh giá về công tác đào tạo, giáo dục và truyền thông</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản chỉ đạo đưa giáo dục VSMT vào giảng dạy ở các trường tiểu học? - Chương trình giảng dạy? giáo trình, tài liệu? - Các nguồn tài trợ cho công tác giáo dục tại nhà trường? - Lợi ích của các CTVS và cung cấp NS ở trường học trong việc dạy học và việc BVMT? - Phối hợp liên ngành trong giáo dục VSMT cho HS tiểu học? - Nhận định chung về nhận thức của HS tiểu học về vệ sinh cá nhân, VSMT? 	
<p>2. <i>Công trình vệ sinh, nước sạch và thực hành vệ sinh môi trường ở các trường tiểu học</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Số CTVS và NS đã đầu tư xây dựng ở các trường tiểu học? - Các nguồn tài trợ cho xây dựng các CTVS và NS? Tổ chức nào có phương thức hỗ trợ hiệu quả nhất? - Chất lượng của các CTVS tại các trường? - Thực trạng duy trì, bảo quản các CTVS đã xây dựng ở các trường? Có phù hợp với điều kiện của các địa phương không? - Việc thu gom và xử lý rác trong các trường học ở vùng nông thôn? 	

<p>3. Những thuận lợi và khó khăn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuận lợi và khó khăn trong quá trình sử dụng, bảo quản, duy trì hoạt động cung cấp nước và CTVS ở các trường vùng nông thôn? - Thuận lợi và khó khăn trong việc hướng dẫn HS thực hiện đúng nội quy sử dụng và bảo quản CTVS và nguồn nước cũng như thực hành các hành vi VS cá nhân (đội nước và rửa tay... sau khi đi VS)? 	
<p>4. Những bài học kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong triển khai thực hiện Dự án “Giáo dục Vệ sinh cá nhân và Vệ sinh trường học (SSHE)” do Hà Lan tài trợ? - Trong triển khai thực hiện các Dự án giáo dục vệ sinh trong trường học do UNICEF tài trợ? 	
<p>5. Chiến lược giáo dục và đầu tư xây dựng các công trình vệ sinh tại các trường tiểu học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiến lược giáo dục? - Kế hoạch đầu tư? - Giải pháp để đạt được mục tiêu quốc gia (75% có công trình NS và VSMT trong các nhà trường)? 	

Người phỏng vấn
(ký, ghi rõ họ tên)